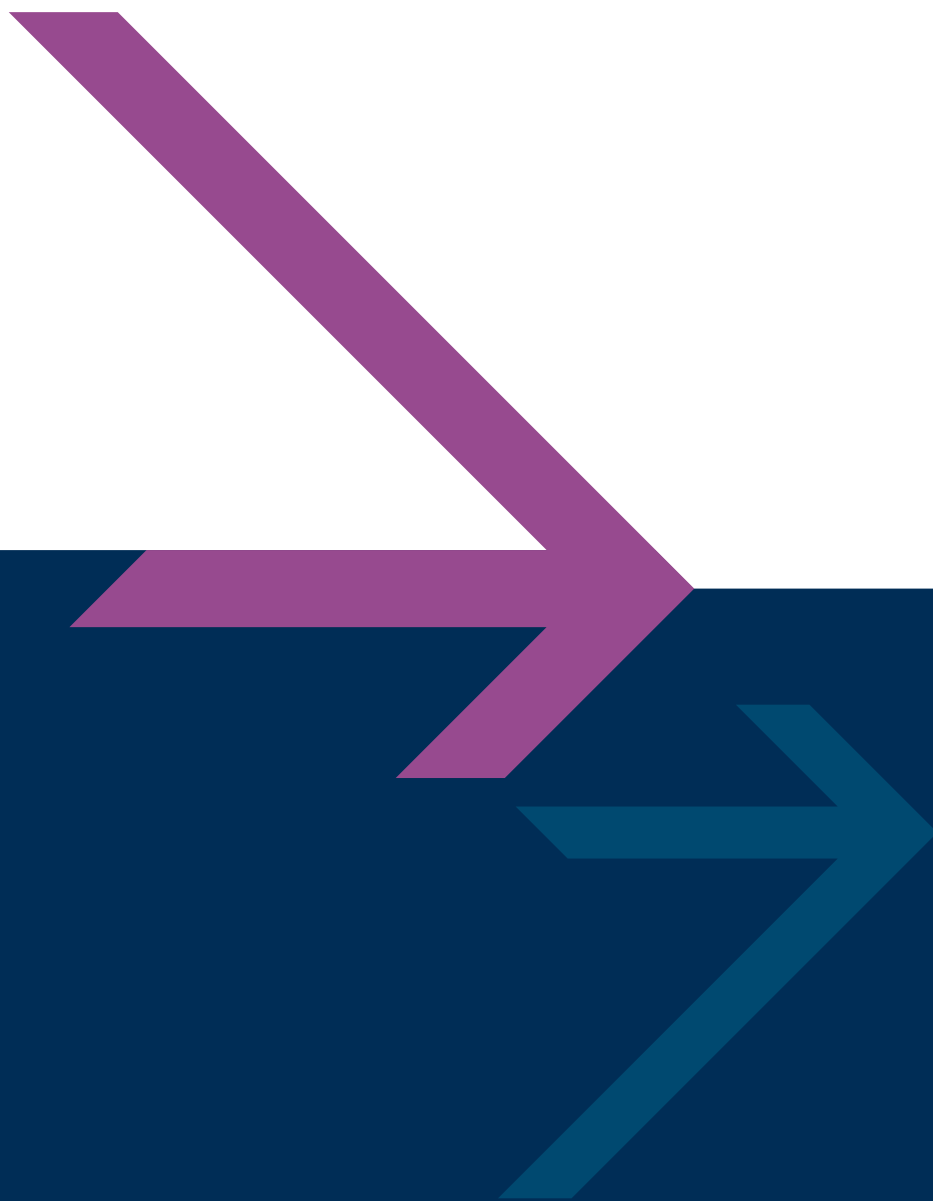




VIETFUND
MANAGEMENT



VF1

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2012
QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Nội dung

TỔNG QUAN **3**

Thông tin tóm tắt về quỹ	3
Điểm tài chính nổi bật	4
Môi trường đầu tư chứng khoán năm 2012	6
Triển vọng 2013	7
Phát biểu của Tổng Giám đốc Công ty VFM	8
Phát biểu của Chủ tịch Ban Đại diện	10

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ **12**

Báo cáo NAV	13
Danh mục đầu tư	14
Tình hình Giải ngân - Thanh toán	16
Kết quả hoạt động của quỹ	18
10 công ty đầu tư lớn nhất	20

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ **26**

Giới thiệu Ban Đại diện	27
Hoạt động của Ban Đại diện trong năm 2012	28

CÔNG TY VIETFUND MANAGEMENT **30**

Giới thiệu Công ty VFM	31
Hoạt động của Công ty	32
Sản phẩm & dịch vụ	34

BÁO CÁO TÀI CHÍNH **39**

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ QUỸ

Tên Quỹ	Quỹ đầu tư Chứng Khoán Việt Nam (VF1)
Tên tiếng Anh	Vietnam Securities Investment Fund
Mã giao dịch	VFMVF1
Mục tiêu đầu tư	Đầu tư vào các cổ phiếu (niêm yết và chưa niêm yết) có tiềm năng tăng trưởng, chứng khoán nợ và các công cụ tiền tệ khác nhằm xây dựng mục tiêu đầu tư cân bằng.
Hình thức Quỹ	Quỹ công chúng dạng đóng
Vốn điều lệ	1.000.000.000.000 VND
Tổng số CCQ lưu hành	100.000.000 ccq
Ngày thành lập	20/05/2004
Ngày niêm yết & Giao dịch	08/11/2004
Thời hạn hoạt động	10 năm
Công ty Quản lý quỹ	Công ty cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam (VFM)
Ngân hàng giám sát	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank)
Phí quản lý	2% NAV/năm
Phí lưu ký	0,06%NAV/năm
Phí giám sát	0,02%NAV/năm
Chính sách cổ tức	Hàng năm, theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư

Điểm tài chính nổi bật

		2012	2011
Quy mô Quỹ (tỷ đồng)		1.000	1.000
NAV (tỷ đồng)		1.520,1	1.298,3
NAV/ccq (đồng)		15.201	12.983
NAV/ccq cao nhất 52 tuần (đồng)		17.269	21.891
NAV/ccq thấp nhất 52 tuần (đồng)		12.615	12.848
Chi phí (%)		2,2	2,2
Vòng quay danh mục đầu tư (%)		31,9	35,7
Tăng trưởng so với đầu năm (%)	NAV	17,1	(38,9)
	VN-Index	17,7	(27,5)
	HNX-Index	(2,8)	(48,6)
Tăng trưởng lũy kế từ khi hoạt động (%)	NAV(*)	52,0	29,8
	VN-Index	58,2	34,4
	HNX-Index	(42,9)	(41,3)
		1 năm	2 năm
Tăng trưởng bình quân (%)	NAV	17,1	(15,4)
	VN-Index	17,7	(7,6)
	HNX-Index	(2,8)	(29,3)

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

CCQ : Chứng chỉ quỹ | Cổ phiếu OTC : Cổ phiếu chưa niêm yết | Công ty VFM : Công ty cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam |

UBCKNN : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước | UBND Tp.HCM : Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh |

Công ty CP/CTCP : Công ty Cổ phần | Q1/2012 : Quý I/2012 | Quỹ đầu tư VF1 : Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Nam |

Quỹ đầu tư VF2 : Quỹ đầu tư Tăng trưởng Việt Nam | Quỹ đầu tư VF4 : Quỹ đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam |

Quỹ đầu tư VFA : Quỹ đầu tư Năng động Việt Nam | NAV : Giá trị tài sản ròng |

2010	2009	2008	2007	2006	2005	2004
1.000	1.000	1.000	1.000	500	300	300
2.126,3	2.479,9	1.697,0	3.837,1	1.564,1	381,6	304,5
21.263	24.799	16.970	38.371	31.281	12.718	10.150
26.300	29.158	37.569	52.041	33.552	12.850	10.158
20.230	15.423	16.313	33.042	12.957	10.121	10.000
2,10	2,15	1,90	2,30	14,0	4,0	1,50
50,4	63,1	17,9	19,4	45,7	51,5	53,7
(8,2)	46,1	(52,6)	28,1	157,8	27,7	1,60
(2,0)	56,8	(66,0)	23,3	144,5	28,5	(8,5)
(32,1)	60,0	67,5	33,2	152,4	(3,8)	N/A
127,6	160	81,7	300,7	227,8	29,7	1,6
58,3	89,1	20,7	254,4	187,4	17,6	(8,5)
(14,2)	68,2	5,1	223,6	142,9	(3,8)	N/A
3 năm	4 năm	5 năm	6 năm	7 năm	8 năm	Lũy kế từ khi thành lập
(15,1)	(2,7)	(16,9)	(0,5)	21,8	22,3	5,0
(5,8)	7,0	(14,9)	(9,5)	4,3	7,1	5,5
(30,2)	(14,2)	(29,3)	(21,4)	(7,2)	(6,8)	N/A

Ghi chú:
 (*) NAV không bao gồm cổ tức đã trả

UPCOM : Thị trường giao dịch chứng khoán của các doanh nghiệp đại chúng chưa niêm yết |

HNX-Index : Chỉ số HNX-Index | VN-Index : Chỉ số VN-Index | TMCP : Thương mại cổ phần | Tp.HCM : Thành phố Hồ Chí Minh |

TTCK : Thị trường chứng khoán | GDCK Hà Nội/ HNX : Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội |

SGDCK Tp.HCM/ HSX : Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM |

Tiền mặt khả dụng: Bao gồm tiền mặt khả dụng cộng các khoản phải thu trừ cho các khoản phải trả |

MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN NĂM 2012

Môi trường đầu tư chung và thị trường chứng khoán nói riêng bị tác động mạnh bởi các biến động kinh tế vĩ mô trong năm 2012, được xem là đặc biệt khó khăn đối với các doanh nghiệp. Các vấn đề liên quan tới nợ xấu của hệ thống ngân hàng, đồng bằng thị trường bất động sản, và thắt chặt tiền tệ để kiểm chế lạm phát là các vấn đề nổi bật trong năm.

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) 2012 tăng 5,03% so với 2011, thấp nhất trong 12 năm gần đây và thấp hơn tăng trưởng của năm 2009 khi khủng hoảng toàn cầu và các khó khăn nội tại cùng ảnh hưởng xấu đến nền kinh tế. Sản xuất công nghiệp tăng chậm lại so với 2011, với chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 4,8% so với 6,8% của năm 2011. Bên cạnh đó, chỉ số PMI công nghiệp Việt Nam do HSBC công bố luôn ở mức dưới 50, cho thấy sản xuất công nghiệp luôn trong tình trạng thu hẹp trong 11 tháng của năm. Tình trạng này phản ánh sự suy giảm của nhu cầu trong nước cũng như khó khăn của xuất khẩu, đặc biệt xuất khẩu qua Trung Quốc và Châu Âu.

Đầu tư trong 2012 bằng 33,5% GDP, thấp hơn mức 34,6% của 2011. Đầu tư toàn xã hội trong năm chỉ tăng 7% và nếu điều chỉnh yếu tố tăng giá, sẽ thấp hơn đầu tư của 2011. Một số doanh nghiệp niêm yết lớn như Hòa Phát (HPG), FPT, Xây Lắp Dầu Khí (PVX) bị ảnh hưởng trực tiếp bởi xu hướng cắt giảm đầu tư, đặc biệt từ khu vực nhà nước và ngân sách nhà nước.

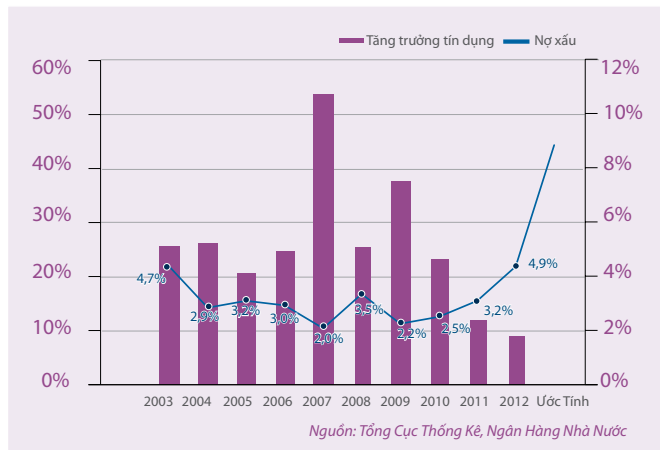
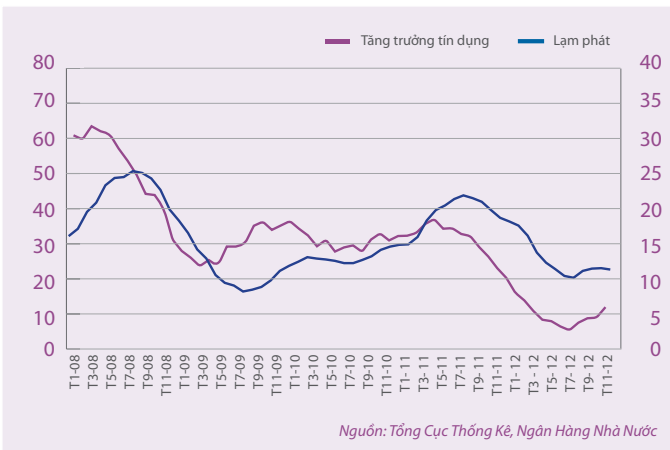
Nợ xấu của ngành ngân hàng nổi lên như một gánh nặng đối với tăng trưởng kinh tế và thị trường cổ phiếu. Lần đầu tiên, Ngân hàng Nhà Nước chính thức thừa nhận nợ xấu có thể lên đến gần 10%, so với mức báo cáo chính thức khoảng 4,7% và nợ xấu trở đã thành vấn đề lớn nhất của hệ thống ngân hàng. Tình trạng này không chỉ ảnh hưởng tiêu cực đến an toàn hệ thống và tình hình tài chính của các ngân hàng mà còn làm suy giảm tín dụng cung cấp cho nền kinh tế trong khi các doanh nghiệp có nhu

cầu về vốn không tiếp cận được với tín dụng. Tăng trưởng tín dụng của cả năm 2012 chỉ đạt 8,91% so với mức vốn đã thấp của năm 2011 (10,9%).

Lạm phát tăng chậm lại trong năm 2012, đặc biệt giảm trong những tháng giữa và cuối năm, với chỉ số giá tiêu dùng (CPI) ở mức 6,81%, so với 18,13% của năm 2011. Điều này một phần nhờ vào điều hành chính sách vĩ mô của Chính Phủ và phần nào phản ánh sự suy giảm của tiêu dùng. Theo đó, giá trị bán lẻ chỉ tăng 16% so với 24,2% của năm 2011. Tuy nhiên, nếu loại trừ lạm phát, giá trị bán lẻ chỉ tăng 6,2%. Tuy nhiên, trong điều kiện đó, nhóm các công ty thuộc nhóm ngành thực phẩm và hàng tiêu dùng niêm yết như Vinamilk (VNM), Masan (MSN) hay vật liệu nông nghiệp như Đạm Phú Mỹ (DPM), Cao Su Đồng Phú (DPR) vẫn duy trì kết quả kinh doanh khả quan.

Bất động sản tiếp tục một năm ảm đạm với nhiều thách thức và khó khăn nhiều hơn. Các công ty trong ngành tiếp tục gánh chịu tình trạng hàng tồn kho cao và áp lực giảm giá bán trong khi nguồn tín dụng hạn chế và lãi vay đè nặng. Điều kiện thị trường xấu ảnh hưởng mạnh đến khả năng bán hàng, lợi nhuận, và dòng tiền của các công ty bất động sản niêm yết như Hoàng Anh Gia Lai (HAG), Phát Triển Đô Thị Từ Liêm (NTL), Đầu Tư Xây Dựng Bình Chánh (BCI) cũng như các công ty xây dựng như Hòa Bình (HBC), Coteccons (CTD).

Điểm sáng xuất siêu của năm chủ yếu đến từ giảm nhập khẩu máy móc, nguyên liệu, và hàng tiêu dùng khi sản xuất thu hẹp và tiêu thụ yếu. Nhập khẩu chỉ tăng 7,1% so với mức tăng 24,7% trong 2011 trong khi xuất khẩu tăng 18,3%. Giá trị xuất siêu khoảng 300 triệu Đô-la Mỹ, tiếp tục chuỗi cải thiện cán cân thương mại từ 2007. Nhờ đó, tỷ giá và thị trường ngoại hối trải qua một năm ổn định và dự trữ ngoại hối tăng, đạt khoảng 24 tỷ Đô-la Mỹ.



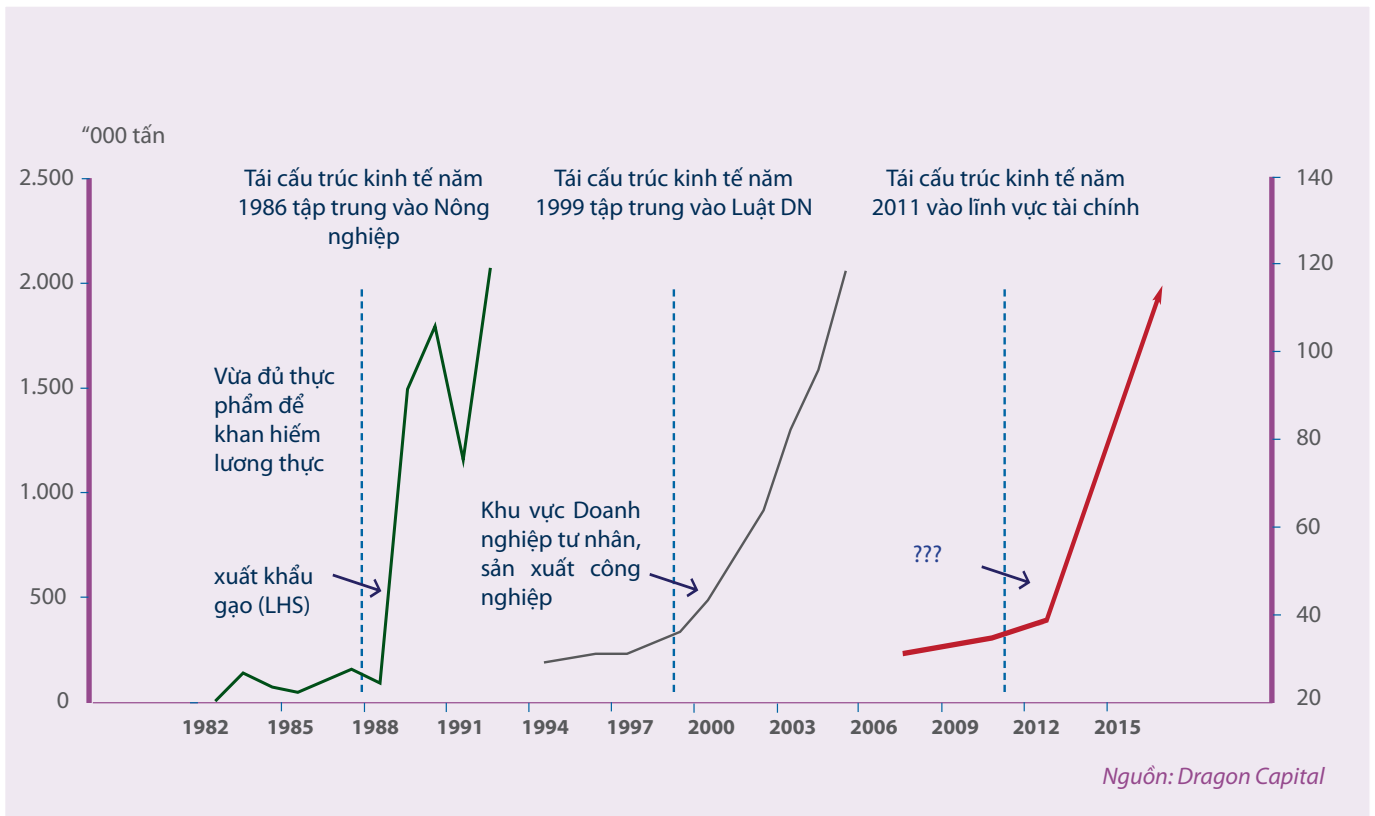
TRIỂN VỌNG 2013

Năm 2013 được đánh giá sẽ tiếp tục thử thách các nhà quản lý vĩ mô, các doanh nghiệp, và tăng trưởng của thị trường chứng khoán. Tăng trưởng kinh tế được dự báo ở mức thấp 5%-5,5%, lạm phát ở mức 7%-8%, trong khi những thay đổi cấu trúc chưa định hình. Chúng ta cần thêm thời gian để giải quyết các vấn đề lớn như nợ xấu ngân hàng, tình trạng đóng băng của bất động sản, hiệu quả của doanh nghiệp nhà nước, thất nghiệp, và tình trạng suy giảm niềm tin của doanh nghiệp và người tiêu dùng. Thị trường mong đợi và đang chứng kiến hàng loạt các giải pháp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong những tháng đầu của năm. Các nhận định đều cho thấy tình hình kinh tế vĩ mô sẽ có sự ổn định đáng kể trong năm 2013 khi các vấn đề có tác động xấu đều được xác định và đang được giải quyết với nỗ lực cao nhất. Các điểm sáng của năm 2012 sẽ được tiếp tục duy trì trong năm 2013, cụ thể là cán cân thương mại, đầu tư trực tiếp nước ngoài, dự trữ ngoại tệ, kiều hối, và kiểm soát lạm phát. Việc các doanh nghiệp tiếp cận được với tín dụng từ cuối 2012 là tiền đề cho việc phục hồi sản xuất và kinh doanh.

Nếu các nỗ lực tái cấu trúc được thực hiện thành công, nền kinh tế có nhiều khả năng đi vào giai đoạn tăng trưởng mạnh trở lại, bắt đầu một chu kỳ phát triển mới từ năm 2014. Lịch sử cho thấy nền kinh tế Việt Nam có sự tăng trưởng khả quan sau các lần tái cơ cấu kể từ năm 1986 trở lại đây.

Trong điều kiện đó, các doanh nghiệp trong ngành thực phẩm và nước giải khát, vật liệu nông nghiệp, và năng lượng có thể tiếp tục tỏa sáng trong khi các doanh nghiệp bất động sản và xây dựng có thể tiếp tục đối mặt với khó khăn khi tình trạng đóng băng của ngành kéo dài. Ngành ngân hàng tiếp tục đối mặt với rủi ro nợ xấu và tái cấu trúc. Bên cạnh đó, môi trường kinh doanh và đầu tư 2013 tiếp tục ủng hộ các doanh nghiệp y tế và dược phẩm, giáo dục, tiện ích công cộng, và hạ tầng.

Theo đó, năm 2013 có thể là khởi đầu của một chu kỳ tăng trưởng mới của thị trường chứng khoán, một khi tiến trình tái cấu trúc đi đúng hướng, niềm tin được phục hồi, và nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài quay trở lại mạnh hơn.





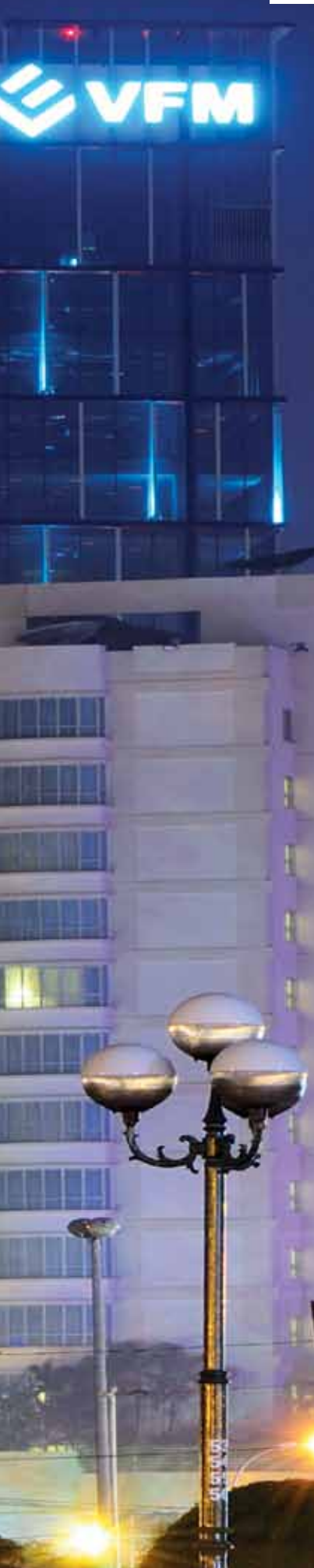
Ông TRẦN THANH TÂN

Tổng Giám Đốc Công ty Quản lý Quỹ VFM

Trong năm qua, đối với hoạt động các quỹ của do công ty VFM quản lý, với chiến lược đảm bảo mục tiêu bảo toàn giá trị hiện có, công ty VFM liên tục chủ động thực hiện việc tái cơ cấu danh mục các quỹ, nghiên cứu và ứng dụng các mô hình đầu tư hiệu quả để đón đầu các cơ hội phục hồi của thị trường.



PHÁT BIỂU CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY VFM



Kính thưa Quý nhà đầu tư,

10 năm thành lập và hoạt động song hành cùng với sự phát triển của thị trường tài chính chứng khoán Việt Nam, công ty VFM đã luôn nỗ lực tiên phong cho ra đời các sản phẩm quỹ và dịch vụ phù hợp với nhu cầu đầu tư, điển hình là các quỹ đại chúng - Quỹ đầu tư VF1, VF4, VFA được niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM với sự tham gia của nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Trước những thăng trầm của thị trường, trong những năm qua với chiến lược đảm bảo mục tiêu bảo toàn giá trị quỹ và năng động tìm kiếm các cơ hội đầu tư, công ty VFM liên tục chủ động thực hiện việc tái cơ cấu danh mục các quỹ, nghiên cứu và ứng dụng các mô hình đầu tư hiệu quả để đón đầu các cơ hội phục hồi của thị trường. Với những tín hiệu khởi sắc vào đầu năm 2013 từ thị trường và sự phục hồi từ niềm tin của các nhà đầu tư trong và ngoài nước, chúng tôi tin rằng hoạt động các quỹ sẽ đạt được những kết quả khả quan.

Chuẩn bị cho giai đoạn phát triển mới, công ty VFM đã chủ động triển khai các dự án đón đầu các dòng sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu đầu tư đa dạng của thị trường. Khung pháp lý cho hoạt động của quỹ mở ra đời đã giúp công ty VFM tìm được hướng đi tối ưu cho các quỹ đóng hiện tại, đó là chuyển đổi sang hình thức quỹ mở để khắc phục những điểm yếu của quỹ đóng và mở ra một giai đoạn phát triển mới cho những sản phẩm mang tính kỹ thuật cao.

Hiện nay, công ty VFM đang tích cực phối hợp với các đối tác cung cấp dịch vụ, bao gồm các nhà phân phối, ngân hàng cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát và đại lý chuyển nhượng để tạo nền tảng vững chắc cho việc sớm ra mắt các quỹ mở như Quỹ trái phiếu, Quỹ ETF, Quỹ hỗ trợ nhân sự...

Những giải pháp tích cực của chính phủ, các cơ quan ban ngành giúp thị trường phát triển bền vững, tạo tiền đề cho ngành quản lý quỹ phát triển với sự đầu tư kỹ lưỡng về chất trong từng sản phẩm. Sự chia sẻ, đồng hành, ủng hộ nhiệt tình từ quý nhà đầu tư chính là sức mạnh, động lực lớn giúp chúng tôi mạnh dạn bước sang giai đoạn phát triển mới.

Trân trọng

Trần Thanh Tân

Tổng Giám Đốc



Ông Lưu Đức Khánh
Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ

Với những bước đi thận trọng trong hoạt động đầu tư, quỹ đã có những điều chỉnh phù hợp với diễn biến của thị trường, nhờ đó, năm 2012, kết quả hoạt động của Quỹ đầu tư VF1 bước đầu đã có những điểm sáng đáng khích lệ, tổng giá trị tài sản ròng tăng 17,1% so với năm 2011.



PHÁT BIỂU CỦA CHỦ TỊCH BAN ĐẠI DIỆN

Kính thưa Quý nhà đầu tư,

Thị trường chứng khoán Việt Nam tăng trưởng ấn tượng vào 5 tháng đầu năm nhưng thanh khoản thị trường lại giảm mạnh vào nửa cuối năm 2012, do ảnh hưởng liên tiếp từ những thông tin không mấy lạc quan của nền kinh tế vĩ mô như bất ổn về tình hình nợ xấu của hệ thống ngân hàng, tăng trưởng kinh tế thấp và kết quả kinh doanh kém khả quan của các doanh nghiệp niêm yết.

Trong năm 2012, Quỹ đầu tư VF1 với hai nhiệm vụ trọng tâm là ổn định, gia tăng giá trị tài sản ròng của quỹ và tăng tính thanh khoản cho các khoản đầu tư trong danh mục của quỹ, công ty VFM đã lựa chọn và điều chỉnh danh mục theo tiêu chí đầu tư giá trị, đảm bảo cân bằng giữa lợi nhuận và rủi ro của các khoản đầu tư.

Với những bước đi thận trọng trong hoạt động đầu tư, Ban Đại diện và Ban điều hành quỹ đã có những điều chỉnh phù hợp với diễn biến của thị trường, nhờ đó, năm 2012, kết quả hoạt động của Quỹ đầu tư VF1 bước đầu đã có những điểm sáng đáng khích lệ, tổng giá trị tài sản ròng tăng 17,1% so với năm 2011.

Bước sang năm 2013, mặc dù còn nhiều thử thách phía trước, chúng tôi kỳ vọng Chính phủ sẽ có những hành động quyết liệt và thực tế hơn để giải quyết các vấn đề của kinh tế vĩ mô, UBCKNN sẽ có những giải pháp làm tăng tính thanh khoản cho thị trường, xây dựng hành lang pháp lý cho các sản phẩm đầu tư mới.

Chúng ta đang ở những năm cuối của cuộc hành trình của Quỹ, Ban Đại diện quỹ sẽ nỗ lực cùng Ban điều hành, Hội đồng đầu tư công ty VFM đưa ra những chiến lược phù hợp để đem đến giá trị tốt nhất cho quỹ. Chúng tôi luôn mong tiếp tục nhận được sự tin tưởng, ủng hộ và đồng hành của Quý nhà đầu tư để vượt qua thử thách của thị trường.

Trân trọng,



Lưu Đức Khánh

Chủ tịch Ban Đại diện quỹ



Tình hình hoạt động của Quỹ

BÁO CÁO NAV

Tăng trưởng lũy kế từ khi hoạt động



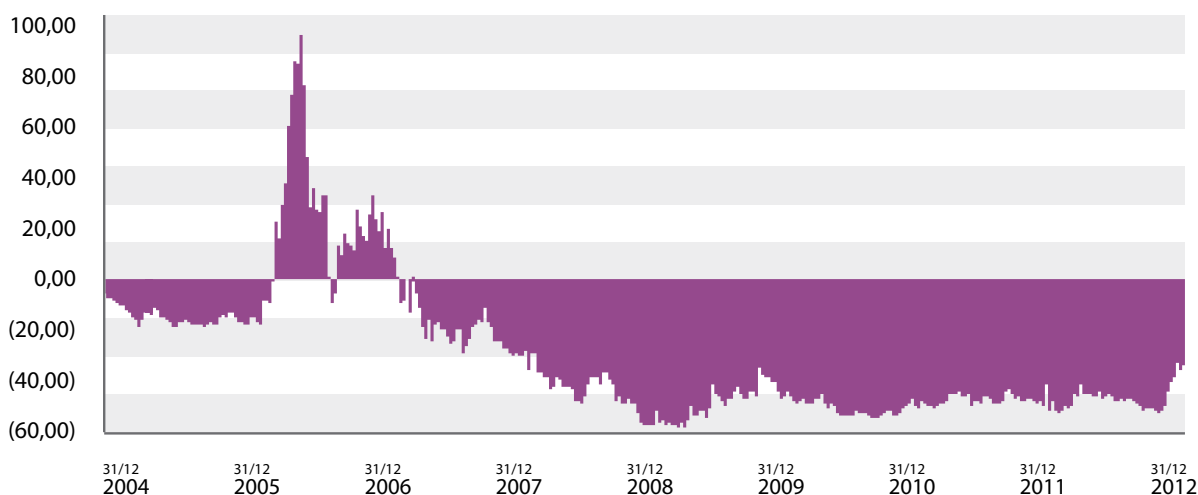
Trong năm 2012, chỉ số VN-Index tăng 17,7% trong khi chỉ số HNX-Index giảm 2,8%, trong đó thị trường thể hiện sự phân hóa mạnh mẽ giữa các cổ phiếu. Các doanh nghiệp hoạt động tốt thì có giá cổ phiếu tăng trưởng mạnh so với những doanh nghiệp chịu ảnh hưởng nặng nề của suy thoái kinh tế thì giá cổ phiếu tiếp tục suy giảm. Trong bối cảnh đó, Quỹ đầu tư VF1 đã tích cực trong nhiệm vụ đảm bảo tính ổn định và tăng trưởng của giá trị tài sản cũng như luôn tìm kiếm và chuẩn bị cho các cơ hội đầu tư.

Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ đầu tư VF1 tại thời điểm 31/12/2012 là 1.520,1 tỷ đồng, tương đương 15.201 đồng/ccq, tăng 17,1% so với đầu năm.

Tăng trưởng năm (%)

	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012
NAV VF1	1,6	27,7	157,8	28,1	(52,6)	46,1	(8,2)	(38,9)	17,1
VN-Index	(8,5)	28,5	144,5	23,3	(66,0)	56,8	(2,0)	(27,5)	17,7
HNX-Index	0,0	(3,8)	152,4	33,2	(67,5)	60,0	(32,1)	(48,6)	(2,8)

Khoảng cách giữa NAV & Giá thị trường (%)



Trong năm 2012, tỷ lệ chiết khấu giữa thị giá giao dịch và giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ (NAV/ccq) của Quỹ đã được cải thiện đáng kể, tăng từ mức (51%) của đầu năm lên khoảng (30%) vào 31/12/2012 và mức chiết khấu bình quân năm dao động ở mức (44%). Thanh khoản trung bình của chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1 trong năm 2012 cũng tăng lên mức 118.000 ccq/ngày so với mức 80.000 ccq/ngày của năm 2011.

DANH MỤC ĐẦU TƯ

Chiến lược phân bổ tài sản năm 2012

Đại hội Nhà đầu tư Thường niên năm 2011 đã thông qua kế hoạch hoạt động năm 2012, theo đó, Quỹ đầu tư VF1 tập trung xây dựng danh mục đầu tư với 2 trọng tâm sau:

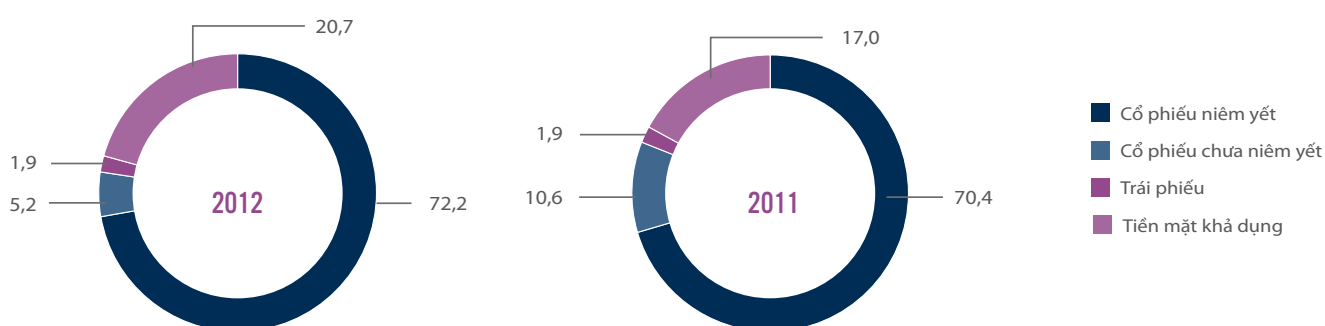
- (1) Ổn định và gia tăng giá trị tài sản ròng cho Quỹ.
- (2) Tăng tính thanh khoản cho các khoản đầu tư trong danh mục của Quỹ.

Trong đó, Quỹ đầu tư VF1 xác định ngoài việc tiếp tục ưu tiên những công ty có vốn hóa lớn trên thị trường, tiêu chí về đầu tư giá trị là ưu tiên trong việc lựa chọn công ty để thực hiện giải ngân; nghĩa là ở đó những công ty được lựa chọn là công ty có nền tảng cơ bản tốt, lưu chuyển tiền tệ mạnh, không đầu tư dàn trải, thông tin minh bạch, là doanh nghiệp có uy tín và giữ vai trò đầu tàu của ngành.

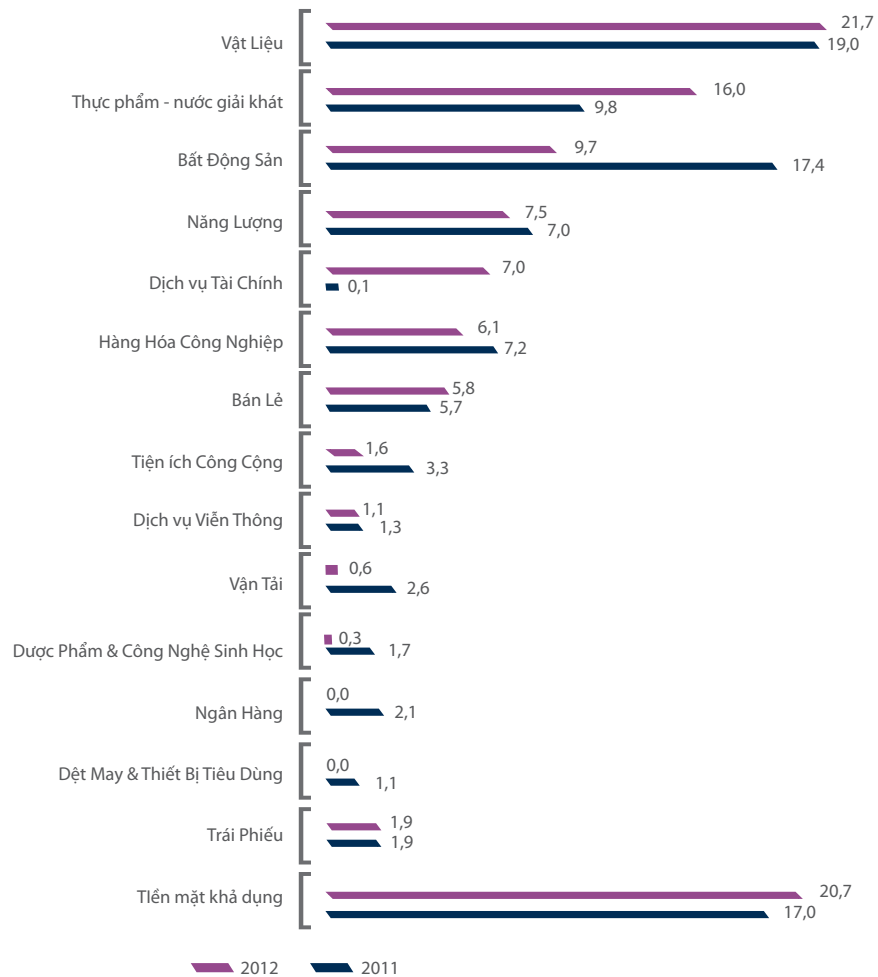
Quỹ đầu tư VF1 tiếp tục điều chỉnh tỷ trọng danh mục nhằm đảm bảo cân bằng giữa lợi nhuận và rủi ro của các khoản đầu tư, trong đó sẽ thực hiện thanh toán các khoản đầu tư mà sự tăng trưởng chưa đạt, hoặc những công ty bị ảnh hưởng bất lợi từ sự thay đổi của kinh tế vĩ mô.

Ngoài ra, Quỹ đầu tư VF1 cũng xác định tiếp tục theo dõi diễn biến thị trường sát sao và sàng lọc các khoản đầu tư nhằm đảm bảo các công ty trong danh mục đạt mức thanh khoản tương xứng với quy mô của Quỹ. Đối với những khoản đầu tư kém thanh khoản, Quỹ đầu tư VF1 tích cực tìm kiếm đối tác để thực hiện thanh toán nhằm tăng tính thanh khoản cho danh mục.

Phân bổ tài sản & Cơ cấu danh mục (% NAV)



Cơ cấu danh mục đầu tư theo ngành (% NAV)



Khi điều kiện kinh tế năm 2012 tiếp tục còn những khó khăn do ảnh hưởng của nợ xấu và sự sụt giảm trong sản xuất công nghiệp, xây dựng và bất động sản, một số ngành lại ít bị ảnh hưởng và vẫn có tăng trưởng tốt về tình hình kinh doanh cũng như giá trị cổ phiếu như ngành Thực phẩm – Nước giải khát, Dịch vụ tài chính, Vật liệu, và Bán lẻ. Với mục đích tìm kiếm tăng trưởng cho giá trị tài sản ròng theo mục tiêu ổn định và bền vững, Quỹ đã thực hiện giải ngân và tăng tỷ trọng nắm giữ các ngành ít bị ảnh hưởng trên. Cụ thể, ngành Thực phẩm – Nước giải khát tăng lên 16% NAV (2011: 9,8% NAV); ngành Vật liệu tăng 2,7% lên 21,7% NAV vào cuối năm; ngành Dịch vụ tài chính tăng lên 7% NAV (2011: 2,9% NAV); và ngành Bán lẻ tăng lên 5,8% NAV vào cuối 2012. Nhận định trong năm 2012, ngành Bất động sản và Vận tải tiếp tục khó khăn, Quỹ đã chủ động thực hiện giảm tỷ trọng của ngành Bất động sản từ 20,2% NAV xuống còn 9,7% NAV tại cuối 2012 và giảm tỷ trọng ngành Vận tải xuống từ 2% còn 0,6% NAV vào cuối 2012.

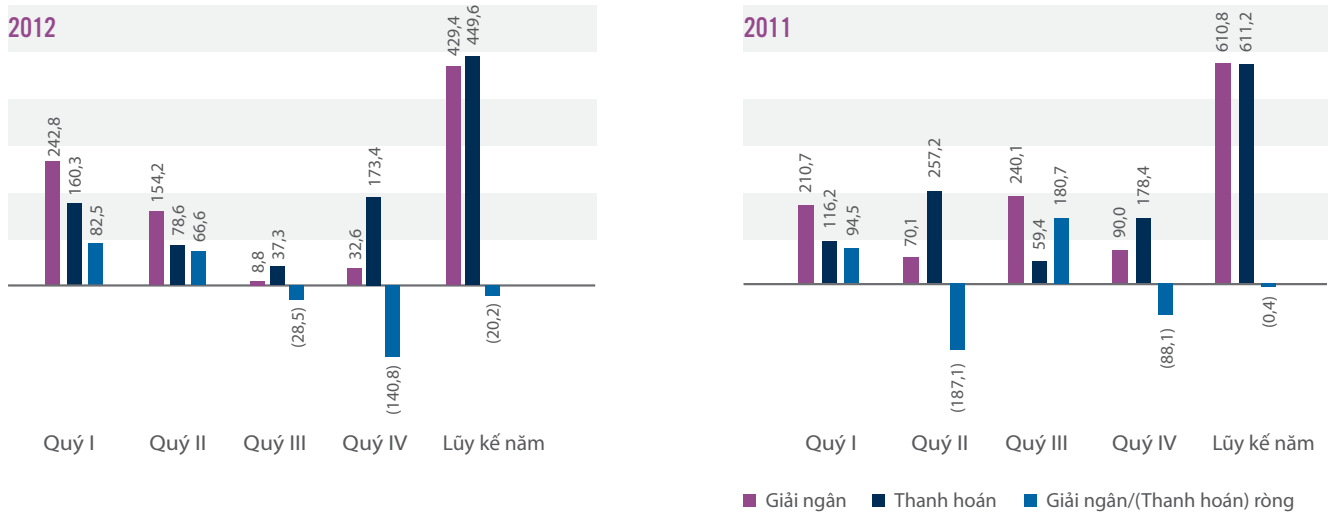
Song song với việc tìm kiếm sự tăng trưởng bền vững và ổn định, trong năm 2012 Quỹ tập trung tăng tính thanh khoản cho danh mục đầu tư qua việc tinh gọn số lượng các khoản đầu tư từ 40 khoản đầu tư tại 31/12/2011 xuống còn 29 khoản đầu tư tính đến 31/12/2012, thanh toán phần lớn các cổ phiếu nhỏ có thanh khoản kém, đặc biệt là thanh toán mạnh các cổ phiếu chưa niêm yết. Cụ thể, tỷ trọng cổ phiếu chưa niêm yết trong danh mục là 10,6% tại ngày 31/12/2011 đã giảm xuống còn 5,2% tại ngày 31/12/2012. Tỷ trọng cổ phiếu có thanh khoản thấp trong danh mục đã giảm mạnh từ 28% NAV vào đầu năm xuống còn 18% NAV vào cuối năm.

Trong năm 2012, Quỹ đã hoàn thành thanh lý ngành Dệt may & Thiết bị tiêu dùng và ngành Ngân hàng để hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực của ngành lên giá trị danh mục. Song song đó, Quỹ chỉ duy trì tỷ trọng thấp ở các ngành Dịch vụ viễn thông, Dược phẩm & Công nghệ sinh học do tính thanh khoản kém của cổ phiếu thuộc ngành này.

Trái phiếu chiếm 1,9% NAV là trái phiếu chuyển đổi dự kiến sẽ được chuyển đổi thành cổ phiếu và niêm yết ngay trong năm 2013, tăng cường tính thanh khoản cho danh mục. Tỷ trọng tiền mặt khả dụng được nâng lên 20,7% NAV giúp giảm rủi ro và tích cực chuẩn bị cho các cơ hội đầu tư mới.

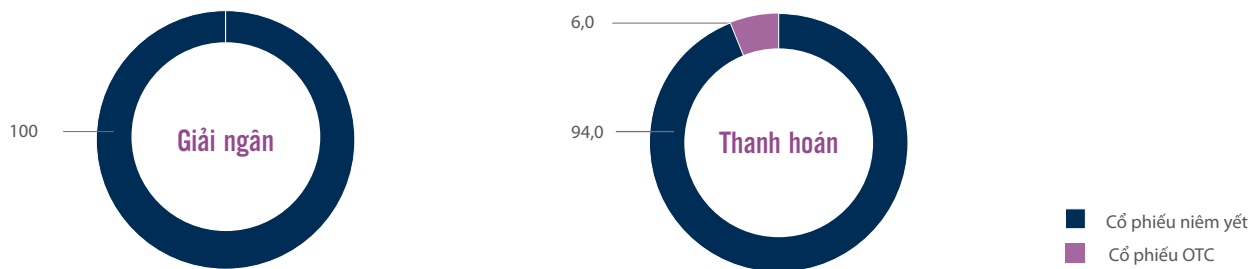
TÌNH HÌNH GIẢI NGÂN - THANH HOÁN

Quy mô giải ngân - thanh toán (tỷ đồng)

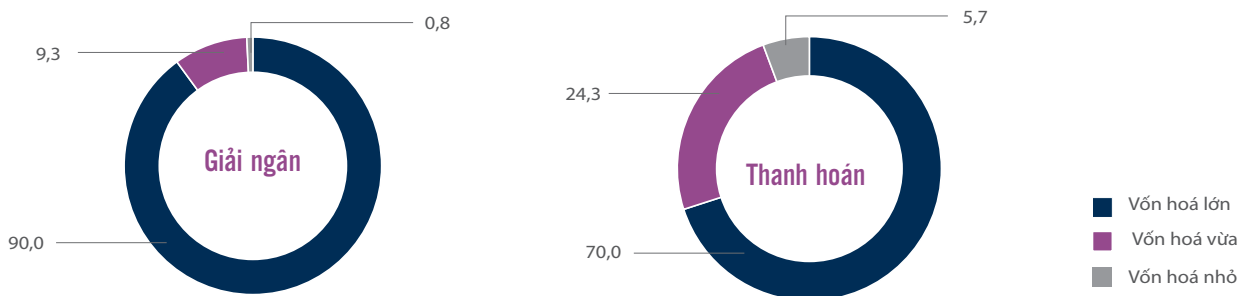


Với mục tiêu tăng thanh khoản và ổn định danh mục, nên quy mô giải ngân - thanh toán trong năm 2012 của Quỹ thực hiện nhỏ hơn so với 2011. Lũy kế năm 2012, Quỹ đã giải ngân 429,4 tỷ đồng và thanh toán 449,6 tỷ đồng, tương đương gần 70% giá trị giải ngân - thanh toán của năm 2011. Trong nửa đầu năm 2012, theo định hướng tái cấu trúc danh mục, Quỹ đã tập trung thanh toán các khoản đầu tư mà sự tăng trưởng chưa đạt hoặc có thanh khoản kém. Vào Quý IV, Quỹ tiến hành thanh toán chủ yếu ngành Ngân hàng do các biến động rủi ro lớn của ngành này trong Quý.

Cơ cấu giải ngân - thanh toán theo loại cổ phiếu năm 2012 (%)

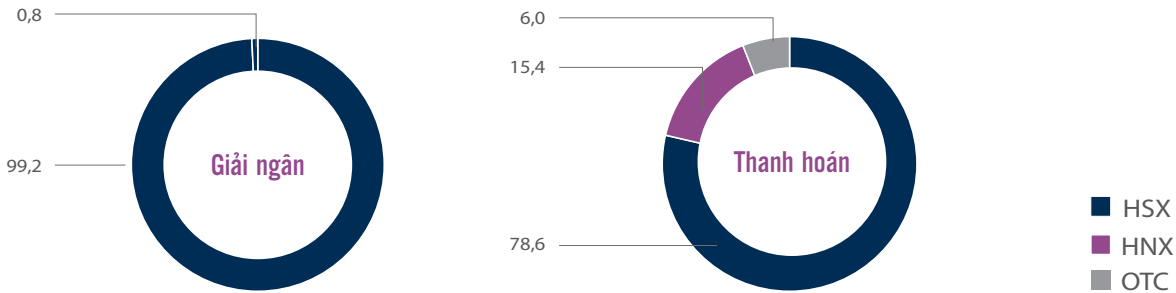


Cơ cấu giải ngân - thanh toán theo vốn hóa năm 2012 (%)



Thực hiện hoá định hướng đầu tư 2012, các khoản giải ngân trong năm 2012 của Quỹ tập trung đến 90% vào các cổ phiếu vốn hoá lớn, còn 9,3% giá trị giải ngân vào cổ phiếu vốn hoá vừa, và 0,8% giá trị giải ngân còn lại vào cổ phiếu vốn hoá nhỏ nhằm tận dụng cơ hội mua bán hưởng chênh lệch.

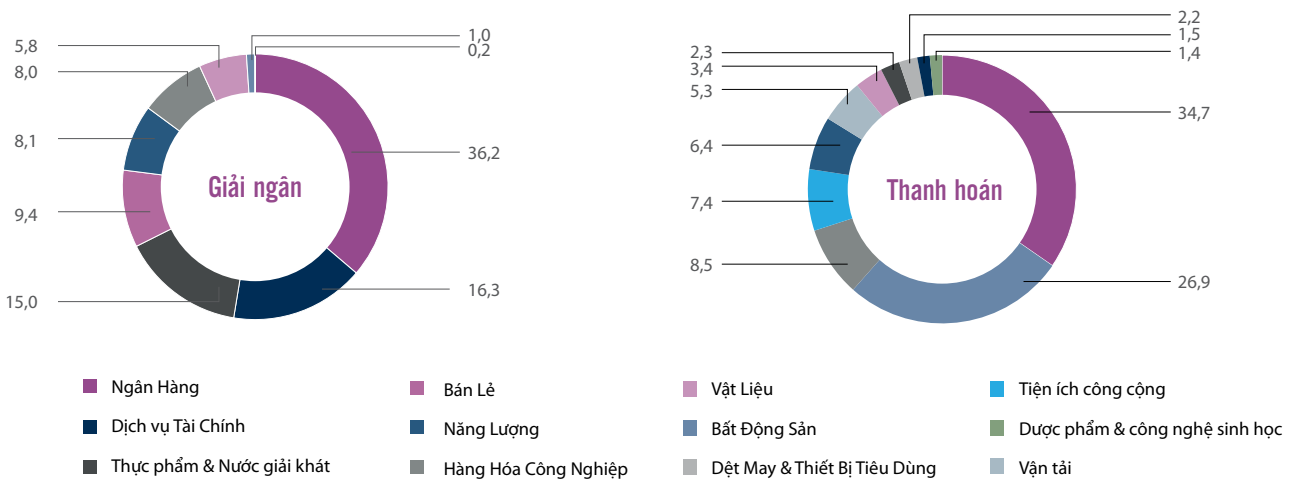
Cơ cấu giải ngân - thanh toán theo sàn trong năm 2012 (%)



Cơ cấu giải ngân theo sàn của Quỹ chú trọng vào các công ty có nền tảng cơ bản tốt, lưu chuyển tiền tệ mạnh, không đầu tư dàn trải, thông tin minh bạch, là doanh nghiệp có uy tín và giữ vai trò đầu tàu của ngành. Toàn bộ giá trị giải ngân chỉ tập trung vào các cổ phiếu niêm yết, trong đó 99,2% giá trị giải ngân vào cổ phiếu thuộc sàn HSX và thoả mãn được yếu tố cơ bản.

Theo chủ trương thanh toán các khoản đầu tư mà sự tăng trưởng chưa đạt và sàng lọc các khoản đầu tư thanh khoản kém nhằm đảm bảo tăng thanh khoản cho danh mục, Quỹ đã tích cực thanh toán các khoản đầu tư OTC qua đó giảm tỷ trọng cổ phiếu OTC xuống 5,2% NAV (2011:10,6% NAV), tỷ trọng của cổ phiếu thanh khoản kém cũng đã giảm xuống còn 18% NAV (2011: 28% NAV). Nếu không tính đến giá trị thanh toán cổ phiếu vốn hoá lớn trên sàn HSX của ngành Ngân hàng, giá trị thanh toán theo sàn của các cổ phiếu HNX và OTC chiếm đến 30% trong tổng giá trị thanh toán trong năm 2012.

Cơ cấu giải ngân - thanh toán theo ngành lũy kế 2012 (%)



Tỷ trọng giải ngân theo ngành của Quỹ đã ưu tiên các cổ phiếu thuộc nhóm ngành Dịch vụ tài chính (16,3% giá trị giải ngân), Thực phẩm - Nước giải khát (15% giá trị giải ngân), ngành Bán lẻ (9,4% giá trị giải ngân), ngành Năng lượng (8,1% giá trị giải ngân). Đây là các nhóm ngành có sự ổn định về kinh doanh, trong đó Quỹ chỉ chọn lọc giải ngân vào các công ty có nền tảng cơ bản tốt và giữ vai trò đầu ngành nhằm đảm bảo cân bằng giữa lợi nhuận và rủi ro cho các khoản đầu tư.

Nhận định tình hình kinh doanh 2012 sẽ tiếp tục khó khăn cho ngành Bất động sản và Vận tải, Quỹ đã giảm tỷ trọng các cổ phiếu thuộc nhóm ngành trên theo tỷ trọng trong giá trị thanh toán lần lượt là 26,9% và 5,3%. Các khoản thanh toán thuộc các ngành Hàng hóa Công nghiệp, Vật liệu với Ngành Thực phẩm – Nước giải khát và Dệt may & Thiết bị tiêu dùng, chủ yếu tập trung vào các cổ phiếu bị kém thanh khoản và tăng trưởng kém. Ngoài ra, việc thanh toán các cổ phiếu ngành Tiện ích công cộng với 7,4% giá trị thanh toán là để thực hiện hoá lợi nhuận cho Quỹ.

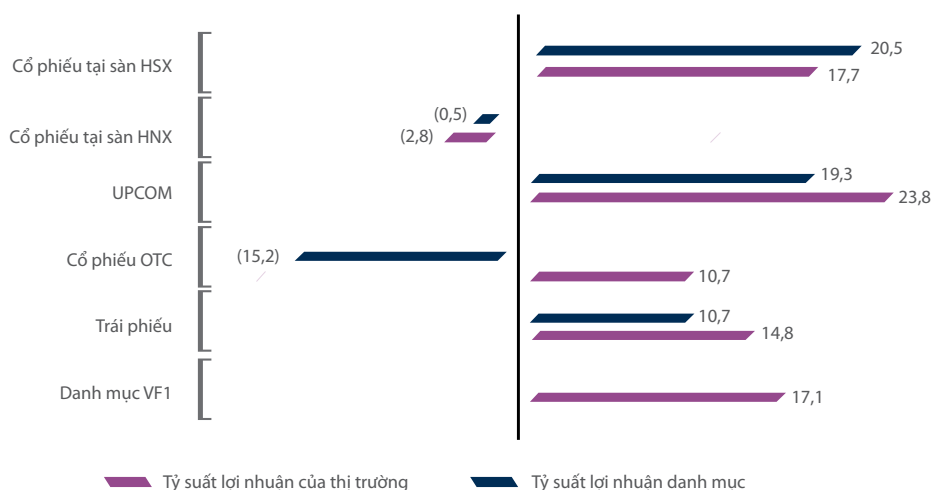
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Lợi nhuận ròng (tỷ đồng)

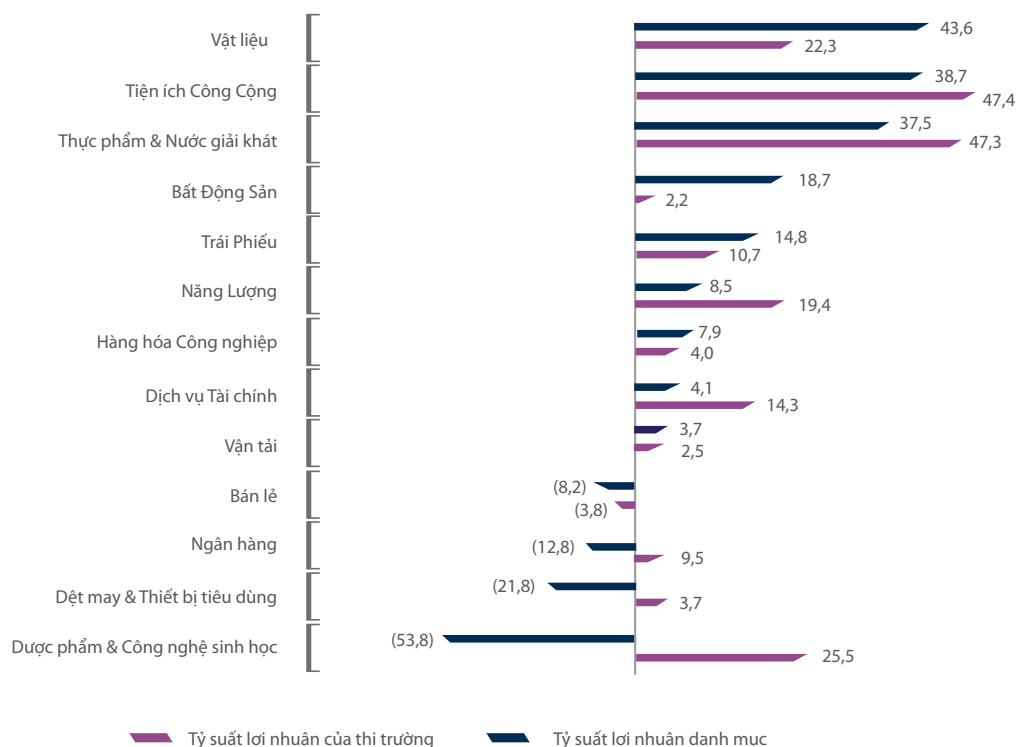
Nội dung	2012	2011	2010	2009	2008	2007
Thu nhập chứng khoán đã thực hiện	(303,9)	(123,4)	49,4	224,6	(300,4)	358,8
Chênh lệch giá chứng khoán chưa thực hiện	453,4	(777,9)	(292,4)	648,7	(1.824,2)	383,8
Cổ tức & trái tức	87,8	89,4	73,8	61,8	121,6	31,5
Lãi/(Lỗ) từ hoạt động đầu tư	237,3	(811,9)	(169,2)	935,0	(2.003,0)	774,1
Lãi ngân hàng	18,6	21,3	17,2	16,9	35,4	39,2
Chi phí	(34,2)	(37,4)	(51,6)	(49,1)	(52,6)	(63,4)
Lãi (lỗ) ròng	221,7	(827,9)	(203,6)	902,9	(2.020,2)	749,9

Trong năm 2012, Quỹ đầu tư VF1 ghi nhận mức lãi ròng là 221,7 tỷ đồng sau khi trừ các chi phí hoạt động trong năm của Quỹ. Trong đó, khoản lãi từ hoạt động đầu tư là 237,3 tỷ đồng, bao gồm mức lãi từ đánh giá lại chứng khoán chưa thực hiện vào cuối năm là 453,4 tỷ đồng, cổ tức nhận được là 87,8 tỷ đồng, và khoản lỗ thực hiện là 303,9 tỷ đồng do được tính toán dựa trên thị giá thanh toán trong năm 2012 so với giá vốn lũy kế của các cổ phiếu được thanh toán. Nếu xét trong năm 2012, hoạt động thanh lý các cổ phiếu trên đã đem lại cho Quỹ thặng dư 35 tỷ đồng so với việc tiếp tục nắm giữ các cổ phiếu đó đến 31/12/2012.

Tỷ suất lợi nhuận đầu tư của danh mục theo loại tài sản (%)



Tỷ suất lợi nhuận đầu tư của danh mục theo ngành (%)



Tính đến ngày 31/12/2012, Quỹ đầu tư VF1 có 29 khoản đầu tư, trong đó nhóm 5 ngành có tỷ trọng lớn nhất trong danh mục là Vật liệu (21,7% NAV), Thực phẩm - Nước giải khát (16% NAV), Bất động sản (9,7% NAV), Năng lượng (7,5% NAV), và Dịch vụ tài chính (7% NAV) đều cho tỷ suất lợi nhuận dương. Ngành Vật liệu có tỷ suất lợi nhuận là 43,6% cao hơn 2 lần so với mức tăng trưởng 22,3% của ngành trên thị trường, qua đó đóng góp đến 9,5% trong 17,1% tăng trưởng của NAV, là khoản đầu tư tốt nhất của danh mục trong 2012.

Ngành Thực phẩm - Nước giải khát cho tỷ suất lợi nhuận 37,5% so với mức 47,3% của ngành này trên thị trường, và đã đóng góp 6% trong 17,1% tăng trưởng của NAV, tiếp tục là một trong khoản đầu tư hiệu quả nhất của danh mục.

Xét về tỷ suất lợi nhuận đầu tư theo sàn, các cổ phiếu trên sàn HSX trong danh mục hầu hết là các cổ phiếu tốt cả về thanh khoản lẫn tăng trưởng, đã có mức tăng trưởng 20,5% vượt trội so với tăng trưởng của VNIndex, tiếp tục cho thấy sự hiệu quả trong định hướng đầu tư và phân bổ tỷ trọng của danh mục. Trong khi đó, tỷ suất lợi nhuận của các cổ phiếu HNX là giảm 0,5%, thấp hơn mức giảm của HNX-Index, còn tỷ suất lợi nhuận của các khoản đầu tư OTC ghi nhận mức lỗ 15,2% do thị giá của các khoản OTC sụt giảm trong năm 2012.



10 công ty đầu tư lớn nhất



Chỉ số tài chính của 10 công ty đầu tư lớn nhất

Mã GD	% NAV	Giá trị vốn hóa thị trường	Doanh Thu	Lợi Nhuận	Tăng Trưởng Doanh Thu (%)	Tăng Trưởng Lợi Nhuận (%)	Tỷ Suất Lợi Nhuận (%)	ROE (%)	P/E (x)	P/B (x)
VNM	15,2	73.350	26.561	5.819	22,8	38,0	21,9	41,6	12,6	4,7
DPM	15,1	13.516	13.321	3.019	44,4	(2,7)	22,7	35,1	4,5	1,5
PVD	6,2	7.881	12.093	1.317	31,3	23,4	10,9	20,0	6,0	1,1
FPT	5,8	9.637	25.350	1.540	(0,1)	(8,4)	6,1	26,3	6,2	1,6
NTL	5,4	988	666	51	16,2	(46,9)	7,7	0,7	19,4	1,2
MSN	4,1	70.103	10.575	2.017	49,9	(19,2)	19,1	13,5	55,5	5,0
HAG	2,9	11.607	4.405	352	39,8	(69,8)	8,0	3,7	33,0	1,2
DPR	2,9	2.322	1.386	520	(24,6)	(35,2)	37,5	25,6	4,5	1,1
KSB	2,7	335	569	90	2,7	(25,0)	15,8	20,7	3,4	0,7
REE	2,4	4.061	2.395	658	32,3	28,3	27,5	16,3	6,1	1,0

Ghi chú:
Số liệu năm 2012, thị giá tại thời điểm 31/12/2012,
đơn vị tỷ đồng trừ khi ghi chú cụ thể khác

Công Ty Sữa Việt Nam (VNM)



- Công ty sữa và các sản phẩm từ sữa lớn nhất Việt Nam với hơn 200 sản phẩm thuộc bốn nhóm chính là sữa bột, sữa đặc, sữa nước và sữa chua.
- Thị phần khoảng 55% nhờ vào 9 nhà máy chạy hết công suất 570.000 tấn và hơn 178.000 điểm bán hàng trên toàn quốc.
- Vượt mức doanh thu một tỷ Đô-la Mỹ vào 2011, tạo tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận bình quân 33% và 42% trong 2007-2012.
- Doanh thu xuất khẩu tăng mạnh, đạt 140 triệu Đô-la Mỹ vào 2011, tăng 67,4% và xuất đến 16 nước trên thế giới.
- Tiếp tục đầu tư tăng năng lực sản xuất và số lượng đàn bò từ 7.000 hiện tại lên 30.000 con vào năm 2020 với tổng đầu tư khoảng 500 triệu Đô-la Mỹ.

Tổng Công Ty Phân Bón và Hóa Chất Dầu Khí (DPM)



- Nhà sản xuất và cung cấp phân ure lớn nhất Việt Nam với công suất 800.000 tấn và thị phần khoảng 40%.
- Năng lực cạnh tranh đến từ lợi thế chi phí sản xuất thấp khi các tài sản chính đã khấu hao hết.
- Vị thế tài chính mạnh với vào nguồn tiền mặt hơn 4.200 tỷ, tương đương 46% tổng tài sản.
- Đạt tăng trưởng doanh thu 29% trong giai đoạn 2007-2012 và tăng trưởng lợi nhuận 19,2% trong cùng kỳ.
- Tiềm năng tăng trưởng khi đa dạng hóa đầu tư vào các sản phẩm liên quan, tận dụng năng lực cạnh tranh hiện hữu.

Công Ty FPT (FPT)



- Một tập đoàn gồm bốn mảng hoạt động chính: viễn thông, tích hợp hệ thống, phát triển phần mềm, và phân phối điện thoại và sản phẩm IT.
- Phát triển mạnh từ một công ty thực phẩm nhỏ thành một tập đoàn với doanh thu hơn một tỷ Đô-la Mỹ và 11.000 nhân viên, trong đó hơn 3.000 kỹ sư phần mềm.
- Viễn thông đem lại thu nhập chính với thị phần khoảng 13% và mức tăng trưởng doanh thu hằng năm hơn 43% trong 5 năm qua, đạt hơn 2.700 tỷ vào 2012.
- Là nhà phân phối điện thoại và sản phẩm IT lớn nhất với hơn 1.500 đại lý tại 63 tỉnh thành trên toàn quốc.
- Tham gia vào mảng bán lẻ bằng chuỗi 19 cửa hàng FPT và thêm khoảng 150 cửa hàng vào cuối 2014.

Tổng Công Ty Khoan và Dịch Vụ Khoan Dầu Khí (PVD)



- Dẫn đầu thị trường khoan và cho thuê giàn khoan với 50% thị phần và 80% thị phần các dịch vụ liên quan đến khoan dầu.
- Vận hành bốn giàn khoan ngoài khơi, một giàn khoan đất liền, và ba giàn khoan cho thuê khác.
- Được bình chọn là nhà thầu khoan tốt nhất 2012 bởi tạp chí World Finance.
- Dòng tiền hoạt động ổn định hơn 100 triệu Đô-la Mỹ từ nguồn doanh thu 500 triệu Đô-la Mỹ.
- Biên lợi nhuận được kì vọng cải thiện nhờ vào dàn khoan TAD mới đưa vào sử dụng vào đầu năm 2012.

Tập Đoàn Masan (MSN)



- Tập đoàn tư nhân có vốn hóa thị trường lớn nhất trên thị trường chứng khoán Việt Nam.
- Nắm giữ 76% Masan Consumer, một công ty hàng tiêu dùng lớn; 64% Masan Resources, một công ty khai thác mỏ; và 30,8% ngân hàng Techcombank, một trong những ngân hàng tư nhân tốt nhất.
- Đứng đầu trong từng lĩnh vực kinh doanh: Masan Consumer đứng thứ 2 về doanh thu trong lĩnh vực hàng tiêu dùng, Techcombank đứng thứ 3 trong khối ngân hàng tư nhân, và Masan Resources công ty tài nguyên tư nhân lớn nhất.
- Huy động thành công hơn 1,2 tỷ Đô-la Mỹ trong 4 năm qua, có cả KKR của Mỹ.
- Tiềm năng tăng trưởng lớn nhờ mỏ khoáng sản Núi Pháo và công ty Masan Consumer, tận dụng sự đi lên của tầng lớp trung lưu Việt Nam.

Công Ty Phát Triển Đô Thị Từ Liêm (NTL)



- Công ty đầu tư phát triển bất động sản, chủ yếu đầu tư nhà ở thấp tầng và chung cư tại phía Tây Hà Nội.
- Có tình hình tài chính tốt nhất trong các công ty bất động sản niêm yết, không vay nợ ngân hàng.
- Sở hữu quỹ đất sạch khoảng 7ha (hecta) thương mại bao gồm đất thấp tầng và đất cao tầng với chi phí thấp tại vị trí thuận lợi ở Hà Nội.
- Có những dự án đang chuẩn bị đầu tư tiềm năng tại khu vực phía Tây Hà Nội.

Tập Đoàn Hoàng Anh Gia Lai (HAG)



- Một trong những tập đoàn tư nhân hàng đầu hoạt động trong sáu lĩnh vực bất động sản, cao su, thủy điện, khoáng sản, nội thất, mía đường, và mỏ ở Việt Nam, Lào, và Cam-pu-chia.
- Sở hữu khoảng hai triệu m² sàn căn hộ phân khúc trung bình với chi phí đầu tư thấp.
- Được kì vọng sẽ là nhà cung cấp cao su thiên nhiên lớn nhất Việt Nam với diện tích cao su 51.000 ha.
- Có bốn nhà máy thủy điện với tổng công suất 140 MW đang vận hành và hơn 10 dự án thủy điện nhỏ khác sắp thực hiện.
- Sắp đưa vào vận hành nhà máy sản xuất đường 7.000 tấn ở Lào.

Công Ty Cao Su Đồng Phú (DPR)



- Công ty trồng cao su niêm yết lớn thứ hai, tính theo tài sản, vốn chủ sở hữu, và diện tích trồng. Công ty sở hữu 10.083 ha cao su, trong đó 7.236 ha đang khai thác với năng suất bình quân 2 tấn/ha.
- Không phụ thuộc nhiều vào thị trường Trung Quốc khi xuất khẩu chủ yếu qua Châu Âu, Hàn Quốc, Mỹ, và Singapore.
- Tình hình tài chính mạnh với hơn 1.000 tỷ đồng tiền mặt vào cuối năm 2012, hay 36% tài sản, không có nợ vay và trả cổ tức cao (5.000 đồng/cổ phiếu trong 2011).
- Tiềm năng tăng trưởng cao khi hai vườn cao su mới đưa vào khai thác: 1.000 ha trồng 2007 ở Đắk Nông và 6.000 ha trồng 2009 ở Kratie, Cam-pu-chia.

Công Ty Khoáng Sản và Xây Dựng Bình Dương (KSB)



- Là một trong những công ty khai thác khoáng sản lớn nhất Bình Dương.
- Là cổ phiếu có tỷ lệ cổ tức bằng tiền mặt cao trong 2 năm qua với 3.000-5.000 đồng/cổ phiếu.
- Có tình hình tài chính lành mạnh với lượng tiền mặt ổn định và không có nợ vay ngân hàng.
- Tiềm năng tăng trưởng có thể đến từ gia hạn khai thác mỏ Tân Đông Hiệp.

Công Ty CP Cơ Điện Lạnh (REE)



- Hoạt động trong bốn lĩnh vực chính: điện và điện lạnh công trình, cho thuê văn phòng, sản xuất máy lạnh, và đầu tư tài chính.
- Một trong những nhà thầu hàng đầu trong lĩnh vực M&E với thương hiệu REE M&E được đánh giá cao, là nguồn thu nhập chính của công ty.
- Mạng cho thuê văn phòng phát triển mạnh với hơn 110.409 m² sàn hạng B cho thuê với tỷ lệ lấp đầy hơn 95%.
- Tiềm năng tăng trưởng dài hạn từ các khoản đầu tư chiến lược vào các công ty tiện ích (10%-35% một số công ty thủy điện, 42% BOO Thủ Đức, 5%-7% một số công ty than).
- Ổn định chính sách cổ tức bằng tiền mặt cao, khoảng 1.600 đồng/cổ phần.



Hoạt động của Ban đại diện

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ



Ông Lưu Đức Khánh

Chủ tịch

Phó Chủ tịch
Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà
TP.HCM

Bà Nguyễn Hồng Bội Lê

Phó Chủ tịch

Trưởng phòng Giao dịch CK
Tổng công ty Tài chính CP Dầu
khí Việt Nam



Ông Lê Văn Phú

Thành viên

Phó Tổng Giám đốc
Ngân Hàng Indovina

Ông Hoàng Kiên

Thành viên

Giám đốc danh mục đầu tư
Dragon Capital



Ông Đặng Thái Nguyên

Thành viên

Tổng Giám đốc
Công ty CP Chứng khoán Việt

Ông Phan Minh Tuấn

Thành viên

Giám đốc
Dragon Capital - Hà Nội



Hoạt động Ban Đại diện Quỹ trong năm 2012



Chịu ảnh hưởng từ khủng hoảng kinh tế toàn cầu trong những năm gần đây, năm 2012 sớm được dự đoán là một năm không dễ dàng đối với ngành tài chính nói chung và ngành quản lý quỹ nói riêng. Làm thế nào để hoạt động đầu tư của Quỹ đầu tư VF1 được ổn định, bảo toàn được vốn luôn là mục tiêu được Ban đại diện và Ban điều hành Quỹ đầu tư VF1 đặt lên hàng đầu.

Phiên họp Ban đại diện Quỹ đầu năm đã được tổ chức vào ngày 13/02/2012 với mục đích đưa ra định hướng hoạt động hiệu quả cho năm 2012 nhằm đưa Quỹ đầu tư VF1 vượt qua giai đoạn khó khăn của thị trường. Nội dung cuộc họp chủ yếu

xoay quanh các vấn đề như phân tích cổ phiếu, tỷ lệ tiền mặt trong danh mục cũng như xem xét các thương vụ đầu tư điển hình của Quỹ. Ngoài ra, các đề xuất chọn công ty kiểm toán cho năm tài chính 2012 và đề xuất chỉnh sửa Điều lệ của Quỹ cũng đã được tất cả các thành viên thông qua tại buổi họp này.

Các thành viên Ban Đại diện Quỹ đã có buổi họp vào ngày 19/03/2012. Tại phiên họp này, định hướng hoạt động của Quỹ đầu tư VF1 cho năm 2012 một lần nữa được Ban Đại diện nhấn mạnh với hai nhiệm vụ trọng tâm là (i) ổn định và gia tăng giá trị tài sản ròng cho Quỹ; (ii) tăng tính thanh khoản cho các khoản đầu tư trong danh mục của quỹ.

“ Làm thế nào để hoạt động đầu tư của quỹ VF1 được ổn định, bảo toàn được vốn luôn là mục tiêu được Ban đại diện và Ban điều hành Quỹ đầu tư VF1 đặt lên hàng đầu. ”



Kết thúc Quý I/2012, phiên họp thứ ba của Ban Đại diện Quỹ đầu tư VF1 được tổ chức vào ngày 11/05/2012 với sự tham dự của tất cả các thành viên trong Ban đại diện. Nhận định thị trường chứng khoán Việt Nam trong thời điểm hiện tại và sắp tới vẫn chưa thể tăng trưởng nhanh và bền vững, Ban đại diện đã thống nhất hoạt động sắp tới của Quỹ phải gắn liền với tiêu chí hướng đến mục tiêu tăng trưởng tuyệt đối cho đến ngày đóng quỹ, thanh toán 100% các cổ phiếu chưa niêm yết (OTC).

Tại phiên họp lần thứ tư của Ban đại diện Quỹ đầu tư VF1 diễn ra vào ngày 11/07/2012, với trao đổi về các chính sách vĩ mô tác động đến nền kinh tế của Tiến sĩ Vũ Thành Tự Anh. Qua đó, các thành viên Ban đại diện đã thảo luận các vấn đề về thuế liên quan đến kết quả hoạt động của Quỹ cũng như lựa chọn phương án về thuế tối ưu. Ngoài ra, kế hoạch định hướng hoạt động đầu tư của quỹ trong Quý III/2012 cũng được các thành viên tham gia đóng góp ý kiến tích cực và đầy nhiệt huyết.

Nhằm tổng kết tình hình hoạt động đầu tư của Quỹ đầu tư VF1 trong Quý III/2012 cũng như thông qua các kế hoạch hoạt động Quý IV /2012, tất cả các thành viên trong Ban đại diện Quỹ đầu tư VF1 đã tổ chức phiên họp định kỳ tại Hà Nội. Tại buổi họp, Ban đại diện Quỹ đã được nghe nhận định của Tiến sĩ Võ Trí Thành về ảnh hưởng của hệ thống tài chính ngân hàng đối với kinh tế vĩ mô năm 2012. Về kế hoạch hoạt động Quý, Ban đại diện đã đề nghị Ban điều hành Quỹ chuẩn bị phương án chi tiết cho việc thanh lý quỹ theo đúng thời hạn hoặc phương án chuyển đổi sang quỹ mở để nhà đầu tư biểu quyết tại Đại hội. Các kế hoạch và ngân sách đề xuất cho việc chuẩn bị thực hiện Báo cáo thường niên và Đại hội thường niên nhà đầu tư cũng được đề cập và thông qua tại kỳ họp này.



Công ty
VietFund Management



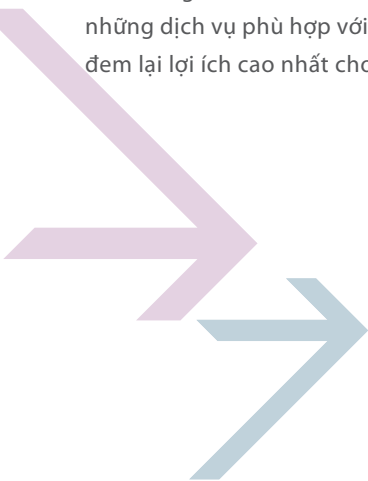
V I E T F U N D
M A N A G E M E N T

Công ty CP Quản lý quỹ đầu tư Việt Nam (VFM) đã trải qua gần 10 năm hình thành và phát triển song hành cùng thị trường tài chính Việt Nam. Từ những ngày đầu thành lập, những khó khăn của một thị trường mới nổi tưởng chừng quá lớn đối với một công ty còn non trẻ, nhưng với nhiệt huyết và tinh thần trách nhiệm, với kinh nghiệm và trình độ chuyên môn cao trong ngành tài chính, ban lãnh đạo và tập thể nhân viên đã thể hiện tính chuyên nghiệp trong các hoạt động, đem lại những thành tựu nổi bật cho công ty.

Với vị thế là công ty quản lý quỹ đầu tiên tại Việt Nam, công ty VFM đã tiên phong trong việc huy động và quản lý các quỹ đại chúng đang được niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM (HOSE), quỹ thành viên và dịch vụ quản lý danh mục đầu tư với sự tham gia đồng đảo nhà đầu tư tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước, tổng tài sản quản lý đạt đến 5.000 tỷ đồng vào năm 2007. Hiện nay, trong thời kỳ kinh tế khó khăn và ngành tài chính có nhiều biến động, công ty VFM vẫn luôn duy trì vị trí thuộc nhóm công ty quản lý quỹ nội địa quản lý tổng tài sản lớn nhất.

Năm 2012 vẫn là một năm đầy khó khăn đối với các doanh nghiệp trong và ngoài nước ở hầu hết các lĩnh vực kinh doanh, từ ngành sản xuất đến ngành dịch vụ tài chính - ngân hàng. Để tồn tại và phát triển trong giai đoạn này, ngoài những hỗ trợ tích cực từ chính phủ qua tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô và các khung pháp lý cho ngành quản lý quỹ, công ty VFM với vai trò kết nối các đơn vị cùng ngành thông qua hoạt động của Câu lạc bộ Quản lý quỹ đã chủ động kết hợp với HOSE, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xây dựng các cơ chế về dòng sản phẩm quỹ mở, quỹ hoán đổi danh mục (ETF)... Để sẵn sàng cho việc ra đời dòng sản phẩm mới, công ty VFM đã tích cực làm việc với các đối tác, các đơn vị cung cấp dịch vụ trong việc chuẩn hóa mô hình, quy trình thành lập quỹ, chuẩn bị cho một giai đoạn phát triển mới khi điều kiện thị trường thuận lợi.

Đánh dấu cột mốc 10 năm phát triển của Công ty VFM (15/07/2003 - 15/07/2013), Ban điều hành và toàn thể nhân viên tích cực triển khai các dự án kỹ thuật mới với tính hiệu quả cao, mang tính thiết thực vào sự phát triển của công ty, đưa công ty vượt qua mọi thử thách phía trước nhằm duy trì vị thế và là điểm đến lý tưởng của các nguồn vốn đầu tư. Đây chính là nền tảng để Công ty VFM cho ra đời các dòng sản phẩm mới, triển khai những dịch vụ phù hợp với xu hướng phát triển mới của ngành quản lý quỹ trên thế giới, hoàn thành sứ mệnh đem lại lợi ích cao nhất cho các nhà đầu tư.



10

Hoạt động công ty VFM

Một số hoạt động tiêu biểu của công ty VFM trong năm 2012



Trong năm vừa qua, công ty VFM đã tích cực phối hợp với các đối tác, cơ quan ban ngành tổ chức các buổi hội thảo về các sản phẩm quỹ mới như:

- Hội thảo **Quỹ mở và chia sẻ kinh nghiệm quản lý quỹ mở** được tổ chức bởi công ty Bloomberg L.P và CLB Quản lý Quỹ Việt Nam vào ngày 14/08/2012 tại khách sạn Park Hyatt, Tp. HCM;
- Hội thảo **sản phẩm Quỹ hoán đổi danh mục (ETF)** được tổ chức bởi Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM vào ngày 12/10/2012 tại khách sạn Rex, Tp.HCM;
- Hội thảo **Xây dựng Quỹ hưu trí bổ sung, các đề xuất đối với Việt Nam** được tổ chức bởi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cùng với Tập đoàn Bảo hiểm Malakoff Méderic (Pháp) vào tháng 11/2012 tại Nhà khách 165, Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Tp.HCM.

Với tư cách là thành viên của Câu lạc bộ Quản lý Quỹ Việt Nam, công ty VFM luôn tích cực chủ động trong việc kết nối, phối hợp các hoạt động của các công ty thành viên trong ngành, trao đổi và chia sẻ kinh nghiệm để xây dựng, thúc đẩy hoạt động của các thành viên thông qua các buổi trao đổi định kỳ hàng quý theo từng chuyên đề cụ thể.

Song song đó, công ty VFM đã tích cực hệ thống hóa các quy trình nội bộ, nâng cao chất lượng nhân sự và hiệu quả hoạt động, giảm thiểu chi phí vượt qua giai đoạn khó khăn của thị trường. Trước tình hình thị trường có nhiều biến động không thuận lợi, công ty VFM đẩy mạnh công tác quản trị rủi ro, ứng dụng các phần mềm kỹ thuật mới, với sự cố vấn từ công ty mẹ là Dragon Capital Management, nhằm tạo điều kiện an toàn tốt nhất cho hoạt động và tài sản các Quỹ.

Với nỗ lực trong hoạt động đầu tư, tăng cường nghiên cứu công cụ đầu tư hiệu quả và áp dụng vào thực tiễn, đồng thời, công tác quan hệ nhà đầu tư vẫn luôn được công ty VFM xem trọng. Trong năm 2012, để giảm thiểu chi phí liên quan đến các hoạt động của quỹ, hòa nhập hơn vào xu hướng sử dụng công nghệ hiện đại, công ty VFM đã đẩy mạnh trao đổi thông tin hai chiều với nhà đầu tư thông qua các phương tiện điện tử như website, email... cắt giảm các chi phí liên quan đến gửi thư, in ấn và một số hoạt động hành chính khác. Chủ trương này đã nhận được sự ủng hộ tích cực từ phía nhà đầu tư, và là tiền đề để chúng tôi tiếp tục nghiên cứu áp dụng các chương trình chăm sóc nhà đầu tư tốt hơn. Hiện tại, công ty VFM tiếp tục thực hiện và cung cấp các báo cáo định kỳ như báo cáo NAV, Điểm tin tháng, Bản tin quý thông qua email và website. Ngoài ra, Báo cáo Thường niên các quỹ sẽ được trình bày ở dạng bản đọc online, giúp nhà đầu tư dễ dàng theo dõi các báo cáo về tình hình hoạt động của các quỹ.

Năm 2013, song song với việc triển khai chào bán các sản phẩm mới thuộc dòng Quỹ mở đến nhà đầu tư là các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, công ty VFM dự kiến xây dựng cổng thông tin điện tử nhằm phổ biến và cập nhật những kiến thức đầu tư cơ bản và nâng cao về các loại hình sản phẩm quỹ đầu tư cũng như cách thức giao dịch,... đến nhà đầu tư, tăng cường việc trao đổi thông tin hai chiều trực tiếp giữa công ty VFM và các nhà đầu tư. Đây là cơ hội để công ty VFM hiểu hơn về nhu cầu đầu tư tiềm năng của nhà đầu tư, từ đó chúng tôi có những định hướng phát triển sản phẩm phù hợp, hiệu quả trong tương lai.

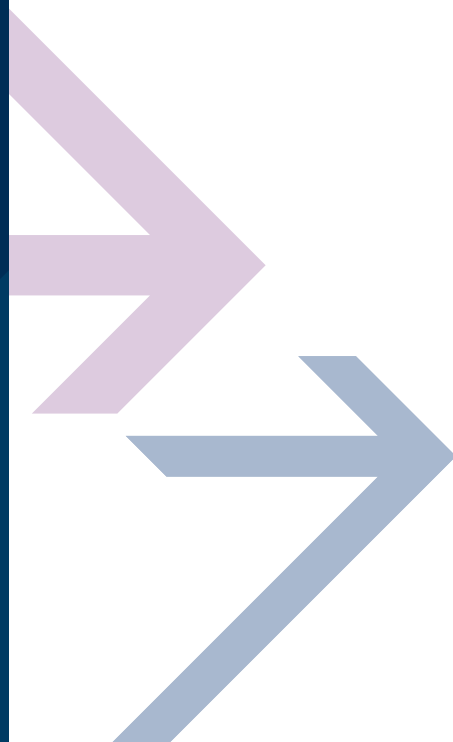
Những thắc mắc hoặc góp ý liên quan của nhà đầu tư luôn được tiếp nhận và phản hồi kịp thời tại địa chỉ: ir@vinafund.com và đường dây nóng (08) – 3825 1480.

Lịch tổ chức Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm 2012

Tháng 3/2013				
THỨ HAI	THỨ BA	THỨ TƯ	THỨ NĂM	THỨ SÁU
				1 Công ty VFM gửi thư mời NĐT tham dự đại hội
4	5	6	7	8
Nhà đầu tư xác nhận hoặc ủy quyền tham dự đại hội bằng cách: email đến địa chỉ: ir@vinafund.com - Gọi điện đến số: (08) 3825-1488 hoặc fax về số: (08) 3825-1489				
11	12	13	14	15
Nhà đầu tư xác nhận hoặc ủy quyền tham dự đại hội bằng cách: email đến địa chỉ: ir@vinafund.com - Gọi điện đến số: (08) 3825-1488 hoặc fax về số: (08) 3825-1489				
18	19 ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ QUỸ ĐẦU TƯ VF4	20	21 ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ QUỸ ĐẦU TƯ VF1	22
25	26	27	28	29

SẢN PHẨM & DỊCH VỤ

Quỹ mở là nền tảng cơ bản để chúng tôi hình thành các công cụ đầu tư khác nhau để thu hút nhà đầu tư. Một loạt hình thức quỹ mà chúng tôi dự kiến trong thời gian tới giới thiệu đến các nhà đầu tư như Quỹ chỉ số, ETFs, Quỹ trái phiếu, Quỹ hưu trí Bổ sung và các công cụ đầu tư tiền tệ khác.



Kinh tế Việt Nam năm 2012 đang trải qua nhiều khó khăn và thách thức, tăng trưởng GDP chỉ đạt ở mức khiêm tốn khoảng 5%. Những bất ổn từ lạm phát, chính sách tiền tệ, lãi suất cao đã tác động tiêu cực đến hoạt động sản xuất các doanh nghiệp. Thị trường chứng khoán trong năm qua cũng chịu tác động chung cùng với sự suy giảm của nền kinh tế. Chỉ số VN-Index sụt giảm đáng kể ở mức thấp nhất trong nhiều năm. Tuy nhiên, những tín hiệu cuối năm về những cải tổ mạnh mẽ từ hệ thống ngân hàng, các Tổng công ty, cùng nhiều gói giải pháp chống đà suy giảm chung của nền kinh tế cho thấy quyết tâm của Chính Phủ trong việc khôi phục và duy trì ổn định nền kinh tế vĩ mô, giữ mức tăng trưởng ổn định. Với những quyết tâm này chúng ta kỳ vọng năm 2013 nền kinh tế sẽ khởi sắc hơn, hệ thống tài chính tiền tệ được ổn định và TTCK sẽ dần hồi phục và tăng trưởng mạnh.

Đối với hoạt động các quỹ tại công ty VFM, thời gian qua, mặc dù kết quả hoạt động của các quỹ do công ty VFM quản lý có những điểm sáng nhất định nhưng thị giá giao dịch của quỹ vẫn có sự suy giảm chung cùng với xu hướng của thị trường. Tỷ lệ chiết khấu giữa thị giá so với NAV của các quỹ bình quân khoảng 30-40%. Điều này phản ánh những hạn chế nhất định của cơ chế quỹ đóng. Trước những khó khăn này, cuối năm 2011 vừa qua, UBCKNN đã ban hành Thông tư 183/2011/TT-BTC hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ mở, đây là nền tảng quan trọng để các dòng sản phẩm mới được ra đời đáp ứng nhu cầu tốt hơn cho nhà đầu tư. Các Thông tư về hướng dẫn thành lập Quỹ hoán đổi danh mục (ETFs) cũng như cho phép mô hình hoạt động công ty đầu tư chứng khoán, Quỹ Bất động sản và Sản phẩm phái sinh (Covered Warrant) dự kiến ban hành trong năm 2013 hứa hẹn nhiều loại hình đầu tư và sản phẩm mới sẽ ra đời trong thời gian tới. Bên cạnh đó, với tinh thần chủ động tìm kiếm những

công cụ đầu tư tốt nhất cho nhà đầu tư, công ty VFM cũng đã phối hợp với Bộ Lao động Thương binh - Xã hội và Bộ Tài Chính, chủ động góp ý nhằm cùng xây dựng mô hình thí điểm cho sản phẩm Quỹ hưu trí bổ sung và được kỳ vọng sẽ sớm thực hiện trong năm 2013.

Để đáp ứng những nhu cầu mới của nhà đầu tư từ khung pháp lý mới của Quỹ mở, dòng sản phẩm ETFs, Quỹ Chỉ số, Quỹ Bất động sản, Quỹ hưu trí bổ sung, trong thời gian vừa qua Công ty VFM đã chủ động nghiên cứu tìm hiểu và tập huấn các mô hình phát triển sản phẩm Quỹ mới này tại một số nước có mô hình tài chính gần giống với Việt Nam. Với những bước chuẩn bị cụ thể, chúng tôi đã sẵn sàng đón đầu những cơ hội đầu tư mới bằng cách cho ra đời các sản phẩm tài chính mới từng bước phù hợp với điều kiện và khả năng đáp ứng của thị trường. Được sự hỗ trợ từ các chuyên gia kinh tế tài chính tại công ty Dragon Capital, công ty Quản lý quỹ VFM đã nghiên cứu rất nhiều mô hình quỹ mở hiện đang được áp dụng phổ biến trên thế giới để từ đó chọn ra các mô hình phù hợp và hiệu quả nhất tại Việt Nam. Mặt khác, chúng tôi cũng đang hoàn thiện dần hệ thống cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng, hệ thống công nghệ thông tin để phục vụ cho việc giao dịch của Quỹ mở và các sản phẩm quỹ mới.

Quỹ mở là nền tảng cơ bản để chúng tôi hình thành các công cụ đầu tư khác nhau để thu hút nhà đầu tư. Một loạt hình thức quỹ mà chúng tôi dự kiến trong thời gian tới giới thiệu đến các nhà đầu tư như Quỹ chỉ số, ETFs, Quỹ trái phiếu, Quỹ hưu trí Bổ sung và các công cụ đầu tư tiền tệ khác... Trong thời gian tới, khung pháp lý này sẽ góp phần giải quyết những bất cập của quỹ đóng, giúp đa dạng hóa sản phẩm đầu tư, kéo theo sự phát triển của khu vực bảo hiểm và an sinh xã hội.

QUỸ TRÁI PHIẾU

Quỹ chứng khoán nợ, gọi chung là Quỹ trái phiếu, về bản chất có mức lợi nhuận và rủi ro kỳ vọng khác với Quỹ cổ phiếu. Trong đa số các trường hợp, lợi nhuận của các quỹ đầu tư trái phiếu thường bị giới hạn và ổn định hơn quỹ cổ phiếu khi được đầu tư cẩn trọng và không quá mạo hiểm. Trong một số trường hợp ngoại lệ, lợi nhuận của Quỹ trái phiếu có thể đạt đến 20%. Tuy nhiên, lợi nhuận kỳ vọng của Quỹ trái phiếu thường xoay quanh mức lãi suất của trái phiếu chính phủ ngắn hạn.

Nắm bắt được những nhu cầu cần thiết về đầu tư trái phiếu chuyên nghiệp của các định chế tài chính lớn, Công ty VFM cùng với các chuyên gia đầu tư trái phiếu tại Dragon Capital sớm cho ra mắt Quỹ Trái phiếu với một danh mục đầu tư đa dạng với cách quản lý tài sản linh hoạt đem lại hiệu quả đầu tư tốt nhất cho nhà đầu tư. Quỹ Trái phiếu (VFB) về cơ bản sẽ có danh mục đầu tư thận trọng, đồng nghĩa với việc phần lớn quỹ sẽ được đầu tư vào trái phiếu chính phủ nhằm tránh ảnh hưởng không tốt từ rủi ro thị trường và tính thiếu thanh khoản.

Mục tiêu chính của Quỹ này là tìm kiếm lợi nhuận từ việc đầu tư vào các loại chứng khoán nợ (bao gồm nhưng không giới hạn, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam,...) giấy tờ có giá và các công cụ thị trường tiền tệ. Ngoài ra, mục tiêu của Quỹ là bảo toàn vốn đồng thời tạo mức lợi nhuận ổn định lớn hơn hoặc bằng lãi suất trái phiếu chính phủ ngắn hạn. Công ty VFM dự kiến sẽ thực hiện chào bán chứng chỉ Quỹ trái phiếu ra công chúng vào Tháng 3/2013 và được giao dịch mua/bán theo cơ chế của Quỹ mở.

QUỸ CHỈ SỐ & QUỸ HOÁN ĐỔI DANH MỤC (ETFs)

Đầu tư chỉ số và Quỹ ETFs hiện nay là một trong những loại hình đầu tư có quy mô lớn nhất trên các thị trường chứng khoán trên toàn cầu. Với việc mô phỏng lại theo một chỉ số mục tiêu, nhà đầu tư thay vì phải thực hiện mua/bán với từng cổ phiếu thì có thể thực hiện với toàn bộ rổ cổ phiếu thông qua việc chỉ mua/bán chứng chỉ quỹ đầu tư chỉ số.

Với quy mô lớn và phổ biến, Quỹ đầu tư chỉ số và/hoặc ETFs có nhiều ưu điểm hơn hẳn so với các hình thức đầu tư quỹ khác như chi phí thấp, biến động tương đương với thị trường, loại bỏ các yếu tố rủi ro do chọn sai cổ phiếu,...

Các quỹ đầu tư chỉ số thường có chỉ số mục tiêu được hình thành từ các cổ phiếu đại diện cho thị trường, có giá trị thị trường lớn, có tính thanh khoản cao và mức độ biến động giá so với thị trường cũng ít. Với bộ chỉ số VN30 và HX30 ra đời trong năm 2012 đã thể hiện kết quả vượt trội, công ty VFM dự kiến sớm cho ra đời sản phẩm Quỹ chỉ số và/hoặc Quỹ ETFs cho nhà đầu tư trong năm 2013 này.

QUỸ BẤT ĐỘNG SẢN

Quỹ đầu tư Bất động sản (REITs) là quỹ hình thành từ vốn góp của nhà đầu tư thông qua việc mua chứng chỉ Quỹ phát hành, sau đó ủy quyền quản lý cho Ban giám đốc Quỹ quản lý. Nhà đầu tư tham gia Quỹ sẽ được hưởng lợi nhuận dưới dạng cổ tức. Quỹ bất động sản chủ yếu tham gia mua bán, tham gia quản lý các sản phẩm bất động sản, góp vốn phát triển dự án hoặc tham gia đầu tư vào các công ty bất động sản.

Với hành lang pháp lý cho phép Quỹ bất động sản được hình thành và hoạt động dự kiến được ban hành trong năm 2013, công ty VFM đã chủ động phối hợp cùng với Dragon Capital và một số đối tác khác đang nghiên cứu hình thành Quỹ bất động sản với một cơ cấu đầu tư đa dạng, an toàn đem lại hiệu quả đầu tư tốt nhất cho nhà đầu tư. Việc cho ra đời sản phẩm Quỹ bất động sản sẽ tạo ra sân chơi cho nhà đầu tư nhỏ lẻ khi không đủ tiền mua một bất động sản thì có thể mua các chứng chỉ quỹ bất động sản của công ty quản lý quỹ. Quỹ Bất động sản sẽ được ra đời ngay khi khung pháp lý được ban hành.

QUỸ HƯU TRÍ BỔ SUNG (QUỸ ĐẦU TƯ HỖ TRỢ NHÂN SỰ VIỆT NAM)

“Hãy chăm lo cho tương lai nhân sự của bạn”

Năm 2006, công ty VFM đã nghiên cứu và giới thiệu mô hình sản phẩm Quỹ đầu tư hỗ trợ nhân sự Việt Nam đến các tổ chức, doanh nghiệp lớn với mục đích hỗ trợ các công ty trong việc xây dựng kế hoạch chăm lo đời sống nhân viên về lâu dài. Với sự cộng tác từ Công ty Bảo hiểm Aon Việt Nam – một trong những công ty môi giới bảo hiểm nước ngoài hàng đầu Việt Nam, Quỹ đầu tư hỗ trợ nhân sự Việt Nam đã tiếp cận và thu hút sự quan tâm của hơn 200 doanh nghiệp lớn tại Việt Nam với quy mô nhân sự từ 50 đến hơn 100 nhân viên.

Quỹ đầu tư VF3 là một quỹ đầu tư chuyên biệt với mục tiêu hỗ trợ chăm lo cho tương lai nguồn nhân lực, là một sản phẩm kết hợp khả năng thanh khoản vốn và thu nhập trong tương lai nhằm bảo vệ người lao động khỏi sự sụt giảm phúc lợi xã hội và mang lại khả năng có được mức thu nhập đảm bảo cuộc sống trong những năm hưu trí sau này. Do vậy, việc hỗ trợ nhân viên bảo đảm an toàn cho tương lai của họ và hỗ trợ xây dựng kế hoạch hưu trí sẽ tạo ra sự gắn bó giữa công ty bạn và nguồn nhân sự. Chính mối liên hệ này là động lực giúp công ty và công việc kinh doanh của bạn phát triển mạnh mẽ và bền vững trong tương lai.

Tuy nhiên, vào thời điểm đó, Quỹ chưa mang lại tính thực tế cao dưới mô hình quỹ đóng. Với sự ra đời của Thông tư 183 về hướng dẫn thành lập quỹ mở, chúng tôi đang tiếp tục hoàn thiện sản phẩm với những tiện ích, quyền lợi tốt hơn cho doanh nghiệp và người lao động dưới mô hình là Quỹ Hữu trí Bổ sung. Quỹ này sẽ được thực hiện thí điểm tại một số doanh nghiệp lớn trong thời gian gần nhất.

DỊCH VỤ QUẢN LÝ TÀI SẢN ỦY THÁC

Với phương châm đem lại nhiều tiện ích cho nhà đầu tư, công ty VFM đã cho ra đời Dịch vụ Quản lý tài sản từ năm 2007 đến nay. Dịch vụ quản lý tài sản ủy thác được công ty VFM xây dựng linh hoạt dựa trên mức độ chấp nhận rủi ro của từng khách hàng.

Với kiến thức chuyên sâu và tầm nhìn chiến lược, đội ngũ đầu tư chuyên môn cao, công ty VFM luôn theo dõi sát sao và phân tích những biến động của thị trường để phục vụ tốt nhất mục tiêu đầu tư của từng danh mục ủy thác.

Lợi ích mang lại cho nhà đầu tư khi tham gia sản phẩm này, bao gồm:

- Giải pháp đầu tư được thiết kế chuyên biệt dành riêng cho từng nhà đầu tư.
- Tiết kiệm thời gian, tiền bạc, công sức.
- Tài sản được phân bổ đa dạng, phân tán rủi ro.
- Quy trình quản lý tài sản chuyên nghiệp nhất.
- Chính sách bảo mật thông tin nghiêm ngặt.

Năm 2013, chúng tôi mở rộng hơn đối tượng tham gia dịch vụ Quản lý tài sản ủy thác này nhằm tăng hiệu quả đầu tư.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Nội dung

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012

Thông tin chung về Quỹ	41
Báo cáo của Ban Đại Diện Quỹ	42
Báo cáo kiểm toán độc lập	43
Bản cân đối kế toán (Mẫu số B 01 - QĐT)	45
Báo cáo kết quả hoạt động (Mẫu số B 02 - QĐT)	47
Báo cáo tài sản (Mẫu số B 05 - QĐT)	49
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng (Mẫu số B 06 - QĐT)	50
Báo cáo danh mục đầu tư (Mẫu số B 07 - QĐT)	51
Thuyết minh các báo cáo tài chính (Mẫu số B 04 - QĐT)	54

THÔNG TIN CHUNG

Giấy phép phát hành
chứng chỉ Quỹ ra công chúng

01/GP-QĐT cấp ngày 24 tháng 3 năm 2004

Giấy phép niêm yết chứng chỉ Quỹ

01/ UBCK-NYQĐT cấp ngày 22 tháng 9 năm 2004

Giấy chứng nhận đăng ký thành lập

01/UBCK-ĐKQĐT cấp ngày 20 tháng 5 năm 2004

Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và có giá trị trong 10 năm.

Ban đại diện Quỹ

Ông Lưu Đức Khánh	Chủ tịch
Bà Nguyễn Bội Hồng Lê	Phó Chủ tịch
Ông Hoàng Kiên	Thành viên
Ông Phan Minh Tuấn	Thành viên
Ông Lê Văn Phú	Thành viên
Ông Đặng Thái Nguyên	Thành viên

Công ty Quản lý Quỹ

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam (VFM)

Trụ sở đăng ký

Phòng 1701-04, Lầu 17, Tòa nhà Mê Linh Point , 2 Ngõ Đức Kế, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Ngân hàng giám sát

Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank)

Đơn vị kiểm toán

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam (“Công ty Quản lý Quỹ”) chịu trách nhiệm đối với các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài Chính ban hành về chế độ kế toán Quỹ đầu tư chứng khoán, Quyết định 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan để các báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Quỹ Đầu tư Chứng khoán Việt Nam (“Quỹ”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và kết quả hoạt động của Quỹ trong niên độ kết thúc vào ngày nêu trên. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính này, Công ty Quản lý Quỹ được yêu cầu phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- soạn lập các báo cáo tài chính trên cơ sở Quỹ hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho là Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Quỹ với sự chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở soạn lập các báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Quỹ và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính đính kèm từ trang 45 đến trang 69. Các báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và kết quả hoạt động của Quỹ trong niên độ kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài Chính ban hành về chế độ kế toán Quỹ đầu tư chứng khoán, Quyết định 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ



Lưu Đức Khánh

Chủ tịch

Ngày 25 tháng 2 năm 2013



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC NHÀ ĐẦU TƯ CỦA QUỸ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính của Quỹ Đầu tư Chứng khoán Việt Nam (“Quỹ”) được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt ngày 25 tháng 02 năm 2013. Các báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán, báo cáo tài sản, báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động và báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng của niên độ kết thúc vào ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 45 đến trang 69.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam (“Công ty Quản lý Quỹ”) đối với các báo cáo tài chính

Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài Chính ban hành về chế độ kế toán Quỹ đầu tư chứng khoán, Quyết định 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan. Trách nhiệm này bao gồm: thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để các báo cáo tài chính không bị sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ vào việc kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực đó yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các tiêu chí đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng liệu các báo cáo tài chính có sai phạm trọng yếu hay không.

Cuộc kiểm toán bao hàm việc thực hiện các thủ tục kiểm toán nhằm thu được các bằng chứng về các số liệu và thuyết minh trong các báo cáo tài chính. Những thủ tục kiểm toán được chọn lựa phụ thuộc vào phán đoán của kiểm toán viên, bao gồm cả việc đánh giá các rủi ro của các báo cáo tài chính xem có sai phạm trọng yếu do gian lận hoặc sai sót hay không. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro đó, kiểm toán viên xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc đơn vị soạn lập và trình bày hợp lý các báo cáo tài chính để thiết lập các thủ tục kiểm toán thích hợp cho từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán mà Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ đã thực hiện, cũng như đánh giá cách trình bày tổng thể các báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng mà chúng tôi thu được đủ và thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên mọi phương diện trọng yếu, các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Quý tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động của Quý trong niên độ kết thúc vào ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài Chính ban hành về chế độ kế toán Quý đầu tư chứng khoán, Quyết định 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quý đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan.



Đặng Quốc Tuấn
Số chứng chỉ KTV: N.0620/KTV
Giám đốc
Chữ ký được ủy quyền

Nguyễn Hoàng Nam
Số chứng chỉ KTV: 0849/KTV

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)
TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số HCM3345
Ngày 25 tháng 2 năm 2013

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 cho các báo cáo tài chính, các báo cáo tài chính kèm theo là không nhằm thể hiện tình hình tài chính, kết quả hoạt động theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và cách thực hành kế toán Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

MẪU SỐ B 01 - QĐT

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12	
			2012 VNĐ	2011 VNĐ
A. TÀI SẢN				
110	1. Tiền gửi ngân hàng	3.1	136.388.407.494	183.786.302.756
120	2. Đầu tư chứng khoán	3.2	1.205.172.061.474	1.077.061.023.628
121	3. Đầu tư khác	3.3	180.000.000.000	-
130	4. Phải thu hoạt động đầu tư	3.4	1.144.964.400	59.395.227.800
131	5. Phải thu khác	3.5	6.247.902.819	7.031.105.821
200	TỔNG TÀI SẢN		1.528.953.336.187	1.327.273.660.005
B. NGUỒN VỐN				
I. NỢ PHẢI TRẢ			8.900.764.387	28.937.869.426
311	1. Phải trả hoạt động đầu tư	3.6	5.192.782.933	25.295.874.551
312	2. Phải trả thu nhập cho Nhà đầu tư		39.925.000	39.925.000
314	3. Phải trả phụ cấp Ban Đại diện Quỹ		92.000.000	92.000.000
315	4. Phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát	3.7	2.641.874.865	2.256.527.673
318	5. Phải trả khác	3.8	934.181.589	1.253.542.202
400	II. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.520.052.571.800	1.298.335.790.579
410	1. Vốn góp của các nhà đầu tư		2.224.170.820.910	2.224.170.820.910
	<i>Trong đó:</i>			
411	1.1 Vốn góp	3.9.1	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
412	1.2 Thặng dư vốn	3.9.2	1.224.170.820.910	1.224.170.820.910
420	2. Kết quả hoạt động chưa phân phối	3.10	(704.118.249.110)	(925.835.030.331)
430	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.528.953.336.187	1.327.273.660.005

Các thuyết minh từ trang 54 đến trang 69 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

MẪU SỐ B 01 - QĐT

Tại ngày 31 tháng 12

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12	
		2012 VNĐ	2011 VNĐ
Chứng khoán theo mệnh giá		437.325.840.000	570.655.090.000

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương
Việt Nam, Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Hà Thị Thúy Vinh
Kế toán Trưởng



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương
Việt Nam, Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Trịnh Hồng Hạnh
Phó Giám đốc

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Việt Nam
Nguyễn Minh Đăng Khánh
Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài Chính



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Việt Nam
Trần Thanh Tân
Tổng Giám Đốc

Các thuyết minh từ trang 54 đến trang 69 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

MẪU SỐ B 02 - QĐT

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Niên độ kết thúc ngày	
			31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
A.	XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐÃ THỰC HIỆN			
10	I. Thu nhập từ hoạt động đầu tư		(197.444.219.993)	(10.868.154.837)
11	1. Cổ tức được nhận		85.344.867.240	89.415.596.000
12	2. Lãi trái phiếu được nhận		2.500.000.000	-
13	3. Lãi tiền gửi		18.630.489.526	21.345.927.696
14	4. Lỗ bán chứng khoán		(304.315.872.759)	(121.658.863.351)
18	5. Thu nhập khác		396.296.000	29.184.818
30	II. Chi phí		34.226.450.611	39.163.416.754
31	1. Phí quản lý Quỹ	3.12 (i)	30.106.552.493	33.529.972.546
32	2. Phí lưu ký, giám sát Quỹ	3.12 (ii)	1.234.368.654	1.374.728.878
33	3. Chi phí hợp, đại hội		452.572.530	751.513.593
34	4. Chi phí kiểm toán		300.960.000	349.206.413
38	5. Phí và chi phí khác	3.11	2.131.996.934	3.157.995.324
50	III. Kết quả hoạt động ròng đã thực hiện		(231.670.670.604)	(50.031.571.591)

Các thuyết minh từ trang 54 đến trang 69 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

MẪU SỐ B 02 - QĐT

Niên độ kết thúc ngày

Mã số	Chỉ tiêu	31.12.2012	31.12.2011
		VND	VND
B. XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ CHƯA THỰC HIỆN			
60	I. Thu nhập	522.628.360.193	65.818.390.996
61	1. Thu nhập đánh giá lại các khoản đầu tư	522.628.360.193	65.818.390.996
70	II. Chi phí	69.240.908.368	843.718.818.549
71	1. Chênh lệch lỗ đánh giá các khoản đầu tư	69.240.908.368	843.718.818.549
80	III. Kết quả hoạt động ròng chưa thực hiện	453.387.451.825	(777.900.427.553)
90	Lợi nhuận/(lỗ) trong năm	221.716.781.221	(827.931.999.144)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam, Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Hà Thị Thúy Vinh
Kế toán Trưởng

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Việt Nam
Nguyễn Minh Đăng Khánh
Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài Chính



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam, Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Trịnh Hồng Hạnh
Phó Giám đốc



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Việt Nam
Trần Thanh Tân
Tổng Giám Đốc

Các thuyết minh từ trang 54 đến trang 69 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO TÀI SẢN

MẪU SỐ B 05 - QĐT

Tại ngày 31 tháng 12

Mã số	Chỉ tiêu	2012 VNĐ	2011 VNĐ
1	Tiền	136.388.407.494	183.786.302.756
2	Các khoản đầu tư	1.385.172.061.474	1.077.061.023.628
2.1	Trái phiếu	28.750.000.000	25.041.095.890
2.2	Cổ phiếu	1.176.422.061.474	1.052.019.927.738
2.2.1	Cổ phiếu niêm yết	1.097.931.925.700	914.455.849.400
2.2.2	Cổ phiếu chưa niêm yết	78.490.135.774	137.564.078.338
2.3	Đầu tư khác	180.000.000.000	-
3	Cổ tức được nhận	4.208.500.040	3.928.704.000
4	Lãi được nhận	2.039.402.779	3.102.401.821
5	Phải thu bán chứng khoán	1.144.964.400	59.395.227.800
	Tổng tài sản	1.528.953.336.187	1.327.273.660.005
6	Phải trả giao dịch chứng khoán	5.192.782.933	25.295.874.551
7	Phải trả khác	3.707.981.454	3.641.994.875
	Tổng nợ	8.900.764.387	28.937.869.426
	Tài sản ròng của Quý	1.520.052.571.800	1.298.335.790.579
8	Tổng số đơn vị quỹ	100.000.000	100.000.000
9	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ	15.201	12.983

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương
Việt Nam, Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Hà Thị Thúy Vinh
Kế toán Trưởng



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương
Việt Nam, Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Trịnh Hồng Hạnh
Phó Giám đốc

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Việt Nam
Nguyễn Minh Đăng Khánh
Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài Chính



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Việt Nam
Trần Thanh Tân
Tổng Giám Đốc

Các thuyết minh từ trang 54 đến trang 69 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

MẪU SỐ B 06 - QĐT

Mã số	Chỉ tiêu	Niên độ kết thúc ngày	
		31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
I	Giá trị tài sản ròng đầu năm	1.298.335.790.579	2.126.267.789.723
II	Thay đổi giá trị tài sản ròng trong năm	221.716.781.221	(827.931.999.144)
	Trong đó:		
1	Thay đổi giá trị tài sản ròng do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong năm	221.716.781.221	(827.931.999.144)
2	Thay đổi giá trị tài sản ròng do việc phân phối thu nhập của Quỹ cho các nhà đầu tư trong năm	-	-
III	Giá trị tài sản ròng cuối năm	1.520.052.571.800	1.298.335.790.579



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam, Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Hà Thị Thúy Vinh
Kế toán Trưởng




Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam, Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Trịnh Hồng Hạnh
Phó Giám đốc



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Việt Nam
Nguyễn Minh Đăng Khánh
Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài Chính




Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Việt Nam
Trần Thanh Tân
Tổng Giám Đốc

Các thuyết minh từ trang 54 đến trang 69 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 07 - QĐT

Stt	Chỉ tiêu	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31.12.2012 VNĐ	Tổng giá trị VNĐ	Tỷ lệ%/Tổng giá trị tài sản hiện tại của Quý %
I	Cổ phiếu niêm yết			1.097.931.925.700	71,82
1	BCI	1.952.530	15.400	30.068.962.000	1,97
2	C32	671.510	13.600	9.132.536.000	0,60
3	DPM	6.406.490	35.800	229.352.342.000	15,00
4	DPR	805.560	54.000	43.500.240.000	2,84
5	FPT	2.499.800	35.200	87.992.960.000	5,75
6	HAG	2.043.518	21.600	44.139.988.800	2,89
7	HPG	803.304	21.000	16.869.384.000	1,10
8	GAS	216.800	38.600	8.368.480.000	0,55
9	GMD	401.530	18.100	7.267.693.000	0,48
10	KSB	2.196.594	18.600	40.856.648.400	2,67
11	MSN	608.300	102.000	62.046.600.000	4,06
12	NTL	5.092.580	16.200	82.499.796.000	5,40
13	PVC	929.015	13.100	12.170.096.500	0,80
14	PVD	2.502.370	37.500	93.838.875.000	6,14
15	REE	2.172.280	16.600	36.059.848.000	2,36
16	SDT	1.332.000	11.200	14.918.400.000	0,98
17	SD5	1.153.800	10.800	12.461.040.000	0,81
18	VC2	823.760	9.300	7.660.968.000	0,50
19	VNM	2.627.897	88.000	231.254.936.000	15,12
20	VSH	1.412.440	10.300	14.548.132.000	0,95
21	VMC	718.000	18.000	12.924.000.000	0,85

Các thuyết minh từ trang 54 đến trang 69 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ

MẪU SỐ B 07 - QĐT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Stt	Chỉ tiêu	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31.12.2012 VNĐ	Tổng giá trị VNĐ	Tỷ lệ%/Tổng giá trị tài sản hiện tại của Quỹ %
II	Cổ phiếu chưa niêm yết			78.490.135.774	5,13
1	Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	221.638	10.333	2.290.185.454	0,15
2	Công ty Cổ phần Thủy sản Sóc Trăng	770.000	10.000	7.700.000.000	0,50
3	Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhà Bè	550.000	16.700	9.185.000.000	0,60
4	Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ	401.648	10.000	4.016.480.000	0,26
5	Công ty Cổ phần Dược Phẩm Trung ương 25	300.000	11.000	3.300.000.000	0,22
6	Công ty Cổ phần Phát triển A&B	11.922	2.977.560	35.498.470.320	2,32
7	Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Viettel	1.500.000	11.000	16.500.000.000	1,08
III	Trái phiếu chuyển đổi			28.750.000.000	1,88
	Công ty cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam	250.000	115.000	28.750.000.000	1,88

Các thuyết minh từ trang 54 đến trang 69 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ

tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

MẪU SỐ B 07 - QĐT

Stt	Chỉ tiêu	Tổng giá trị VNĐ	Tỷ lệ%/Tổng giá trị tài sản hiện tại của Quỹ %
IV	Các tài sản khác	187.392.867.219	12,25
1	Cổ tức được nhận	4.208.500.040	0,28
2	Lãi phải thu	2.039.402.779	0,13
3	Phải thu bán chứng khoán	1.144.964.400	0,07
4	Đầu tư khác	180.000.000.000	11,77
V	Tiền	136.388.407.494	8,92
1	Tiền gửi ngân hàng	136.388.407.494	8,92
VI	Tổng giá trị danh mục	1.528.953.336.187	100,00

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam, Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Hà Thị Thúy Vinh
Kế toán Trưởng



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam, Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Trịnh Hồng Hạnh
Phó Giám đốc

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Việt Nam
Nguyễn Minh Đăng Khánh
Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài Chính



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Việt Nam
Trần Thanh Tân
Tổng Giám Đốc

Các thuyết minh từ trang 54 đến trang 69 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 04 - QĐT

cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán Việt Nam (“Quỹ”) được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức quỹ đại chúng dạng đóng theo Giấy phép số 01/GP-QĐT ngày 24 tháng 3 năm 2004 do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước (“UBCKNN”) cấp. Theo quy định của Giấy phép, Quỹ được phép phát hành 30.000.000 đơn vị quỹ ra công chúng với mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam/đơn vị quỹ. Quỹ được cấp phép hoạt động trong thời gian 10 năm theo Quyết định số 01/UBCK-ĐKQĐT ngày 20 tháng 5 năm 2004 của UBCKNN.

Quỹ được niêm yết tại Trung Tâm Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 01/UBCK-NYQĐT ngày 22 tháng 9 năm 2004 của UBCKNN.

Theo Quyết định số 486/QĐ-UBCK ngày 5 tháng 7 năm 2006 của UBCKNN, Quỹ được phép phát hành thêm 20.000.000 đơn vị quỹ với mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam/đơn vị quỹ nhằm tăng số đơn vị quỹ lên 50.000.000 đơn vị quỹ. Vốn điều lệ của Quỹ cũng tăng tương ứng lên 500 tỷ đồng Việt Nam.

Theo Quyết định số 144/QĐ-UBCK ngày 15 tháng 3 năm 2007 của UBCKNN, Quỹ được phép phát hành thêm 50.000.000 đơn vị quỹ với mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam/đơn vị quỹ nhằm tăng số đơn vị quỹ lên 100.000.000 đơn vị quỹ. Vốn điều lệ của Quỹ cũng tăng tương ứng lên 1.000 tỷ đồng Việt Nam.

Quỹ không có cán bộ công nhân viên, Quỹ do Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Việt Nam (“Công ty Quản lý Quỹ”) quản lý và do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam giám sát.

Hoạt động chính của Quỹ là đầu tư và duy trì danh mục đầu tư cân đối và đa dạng, có khả năng đem lại lợi nhuận và/hoặc lãi trên vốn cao nhất nhưng đồng thời vẫn giảm thiểu rủi ro. Các hoạt động đầu tư sẽ được thực hiện dưới hình thức chứng khoán niêm yết và chứng khoán sẽ niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Các khoản đầu tư này bao gồm cổ phiếu niêm yết, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu công ty và cổ phiếu sẽ niêm yết. Ngoài ra, mục tiêu của Quỹ nhằm đến trong quá trình đầu tư là làm tăng giá trị các khoản đầu tư thông qua việc giúp các đơn vị tái cơ cấu về mặt tài chính, phát triển hệ thống quản trị doanh nghiệp, nâng cao năng lực cạnh tranh, v.v.... qua đó đem lại lợi ích cho các nhà đầu tư, đồng thời tăng giá trị của các hoạt động đầu tư do Quỹ thực hiện.

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Quyết định 63/2005/QĐ-BTC do Bộ Tài Chính ban hành về chế độ kế toán Quỹ đầu tư chứng khoán, Quyết định 45/2007/QĐ-BTC do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính và kết quả hoạt động theo các nguyên tắc và thực hành kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Các nguyên tắc và thực hành kế toán sử dụng tại nước CHXHCN Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 04 - QĐT

cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính (tiếp theo)

Theo Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính ban hành, các báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Bảng cân đối kế toán
2. Báo cáo kết quả hoạt động
3. Báo cáo tài sản
4. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng
5. Báo cáo danh mục đầu tư
6. Thuyết minh các báo cáo tài chính

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam và được trình bày trên các báo cáo tài chính theo đơn vị đồng Việt Nam ("VND").

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá áp dụng vào ngày của bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Quỹ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là Nhật ký chung.

2.5 Đầu tư chứng khoán

Phân loại

Quỹ phân loại các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

Ghi nhận/chấm dứt ghi nhận

Việc mua và bán các khoản đầu tư được ghi nhận theo ngày thực hiện giao dịch - là tại ngày Quỹ ký kết hợp đồng mua hoặc bán khoản đầu tư đó. Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền nhận dòng tiền từ các khoản đầu tư đã hết hạn hoặc về bản chất Quỹ đã chuyển giao toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 04 - QĐT

cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.5 Đầu tư chứng khoán (tiếp theo)

Ghi nhận ban đầu và đánh giá lại

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được đánh giá lại tại ngày lập bảng cân đối kế toán theo Quyết định số 45/2007/QĐ-BTC ngày 5 tháng 6 năm 2007 do Bộ Tài chính ban hành về quy chế thành lập và quản lý Quỹ Đầu tư chứng khoán.

Các chứng khoán niêm yết được đánh giá lại căn cứ vào giá giao dịch cuối cùng tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày định giá có liên quan.

Nếu một chứng khoán niêm yết không có giao dịch trong thời gian ít hơn hai tuần trước ngày định giá, thì giá thị trường được xác định là trung bình giá chào mua cung cấp bởi ba công ty chứng khoán độc lập với Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát.

Nếu một chứng khoán niêm yết không có giao dịch trong thời gian nhiều hơn hai tuần trước ngày định giá, thì giá thị trường được xác định theo:

- i) Bảng giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá trừ trường hợp chứng khoán bị hủy niêm yết hoặc ngưng giao dịch
- ii) 80% giá trị thanh lý tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất với ngày định giá nếu tổ chức phát hành đang trong quá trình tách, sát nhập, giải thể hoặc phá sản;
- iii) giá trị đạt được thông qua việc sử dụng các kỹ thuật định giá do Ngân hàng Giám sát và Đại hội nhà đầu tư phê chuẩn.

Các chứng khoán chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM được đánh giá lại căn cứ vào giá giao dịch cuối cùng tại sàn UPCOM vào ngày định giá có liên quan. Trường hợp chứng khoán không có giao dịch trong vòng 12 tháng trước ngày định giá, giá được xác định là khoản thấp hơn giữa:

- i) Giá mua
- ii) Giá giao dịch cuối cùng vào ngày gần nhất trước ngày định giá

Đối với chứng khoán chưa niêm yết và giao dịch tại các công ty chứng khoán, giá của chứng khoán đó được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch cung cấp bởi ba (03) công ty chứng khoán không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát. Trong trường hợp công ty chứng khoán tạm thời không cung cấp giá giao dịch của cổ phiếu nào đó, giá của chứng khoán đó được xác định là giá do chính công ty chứng khoán đó cung cấp tại thời điểm gần nhất trong vòng 12 tháng trước đó. Trường hợp khác, giá được xác định là khoản thấp hơn giữa:

- i) Giá mua
- ii) Giá trung bình của ba (03) công ty chứng khoán cung cấp tại thời điểm gần nhất

Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động theo quy định Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng cho Quỹ Đầu tư chứng khoán.

Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 04 - QĐT

cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.6 Vốn và thặng dư vốn

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại là vốn chủ sở hữu. Mỗi đơn vị quỹ có mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam.

Thặng dư vốn thể hiện chênh lệch giữa số tiền thực nhận khi phát hành và mệnh giá đối với các chứng chỉ quỹ được phát hành.

2.7 Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ được tính bằng cách chia tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ cho số lượng chứng chỉ quỹ tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

2.8 Tiền

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng.

2.9 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm những khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, phải thu cổ tức, lãi trái phiếu, lãi tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu khác. Các khoản phải thu được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

2.10 Các khoản phải trả

Các khoản phải trả và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

2.11 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Quỹ có một nghĩa vụ – pháp lý hoặc liên đới – hiện tại phát sinh từ các sự kiện đã qua; có thể đưa đến sự giảm sút những lợi ích kinh tế cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ; giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy.

Dự phòng được tính theo các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu yếu tố thời giá của tiền tệ là quan trọng thì dự phòng được tính ở giá trị hiện tại với suất chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá theo thị trường hiện tại về thời giá của tiền tệ và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

2.12 Thuế

Theo các quy định hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, theo Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành, khi Quỹ trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Quỹ cần giữ lại 25% lợi nhuận phân phối (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật), kê khai và nộp thuế thay cho nhà đầu tư.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 04 - QĐT

cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.13 Các khoản chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán theo phương pháp dự thu dự chi. Các khoản chi phí được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ các chi phí phát sinh từ hoạt động mua chứng khoán mà đã được hạch toán vào giá mua của các khoản đầu tư đó.

2.14 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quý nhận được các lợi ích kinh tế một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Tiền lãi

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi tại ngân hàng và trái phiếu được ghi nhận vào báo cáo hoạt động trên cơ sở dự thu trừ khi khả năng thu lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Thu nhập cổ tức được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động khi quyền nhận cổ tức của Quý được thiết lập.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động khi nhận được thông báo giao dịch từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

2.15 Cổ phiếu thưởng và cổ tức chia bằng cổ phiếu

Cổ phiếu thưởng và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0) và được đánh giá lại theo giá trị của các cổ phiếu đó vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

2.16 Quyền mua cổ phiếu

Giá trị quyền mua một cổ phiếu được ghi nhận theo giá thị trường trừ đi giá được mua. Giá trị của quyền mua sẽ được đánh giá lại vào ngày báo cáo.

2.17 Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Quý hoặc chịu sự kiểm soát của Quý, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Quý. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Quý mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Quý, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Quý, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 04 - QĐT

cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.18 Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán theo định nghĩa trong Quyết định 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán cho quỹ đầu tư chứng khoán được trình bày trong thuyết minh tương ứng của các báo cáo tài chính này.

2.19 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Quyết định 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán cho các quỹ đầu tư chứng khoán không được thể hiện trong các báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

3. THÔNG TIN BỔ SUNG

3.1 Tiền gửi ngân hàng

Tiền gửi ngân hàng thể hiện tiền gửi ngân hàng bằng đồng Việt Nam vào thời điểm cuối năm tại các ngân hàng sau đây:

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
1. Tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	18.388.407.494	30.495.590.484
2. Tiền gửi có kỳ hạn:		
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam	-	40.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập khẩu Việt Nam	6.000.000.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Thành phố Hồ Chí Minh	-	10.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Tín Nghĩa	-	20.290.712.272
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	112.000.000.000	83.000.000.000
	136.388.407.494	183.786.302.756

3.2 Đầu tư chứng khoán

Tất cả các công ty được đầu tư (niêm yết và không niêm yết) như trên báo cáo Danh mục đầu tư đều được thành lập tại Việt Nam.

Quý không tham gia hàng ngày vào các quyết định chính sách tài chính và hoạt động của các công ty đầu tư. Theo đó, Quý không có ý định kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể đến các công ty đầu tư và do đó các khoản đầu tư của Quý được ghi nhận trên cơ sở được trình bày ở Thuyết minh 2.5, thay vì được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu hay hợp nhất.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 04 - QĐT

cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

3. THÔNG TIN BỔ SUNG (tiếp theo)

3.2 Đầu tư chứng khoán (tiếp theo)

Chi tiết đầu tư chứng khoán được trình bày như sau:

	Giá mua VNĐ	(Lỗ)/ lãi do đánh giá lại VNĐ	Giá thị trường tại ngày 31.12.2012 VNĐ
Cổ phiếu niêm yết	1.453.780.050.950	(355.848.125.250)	1.097.931.925.700
Cổ phiếu chưa niêm yết	189.060.226.120	(110.570.090.346)	78.490.135.774
Trái phiếu chuyển đổi	25.041.095.890	3.708.904.110	28.750.000.000
	1.667.881.372.960	(462.709.311.486)	1.205.172.061.474

	Giá mua VNĐ	(Lỗ)/ lãi do đánh giá lại VNĐ	Giá thị trường tại ngày 31.12.2011 VNĐ
Cổ phiếu niêm yết	1.705.760.214.377	(791.304.364.977)	914.455.849.400
Cổ phiếu chưa niêm yết	262.356.476.672	(124.792.398.334)	137.564.078.338
Quyền mua Cổ phiếu niêm yết	25.041.095.890	-	25.041.095.890
	1.993.157.786.939	(916.096.763.311)	1.077.061.023.628

3.3 Đầu tư khác

Các khoản đầu tư khác thể hiện số tiền gửi ngân hàng bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn thu hồi một năm kể từ ngày gửi.

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Tiền gửi có kỳ hạn tại:		-
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam	149.000.000.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập khẩu Việt Nam	31.000.000.000	-
	180.000.000.000	-

3.4 Phải thu hoạt động đầu tư

Các khoản phải thu hoạt động đầu tư thể hiện số tiền phải thu từ việc bán các khoản đầu tư được thanh toán sau 3 (ba) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch (T+3) theo thông lệ kinh doanh chứng khoán hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 04 - QĐT

cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

3. THÔNG TIN BỔ SUNG (tiếp theo)

3.5 Phải thu khác

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	2.039.402.779	3.102.401.821
Phải thu cổ tức	4.208.500.040	3.928.704.000
	<u>6.247.902.819</u>	<u>7.031.105.821</u>

3.6 Phải trả hoạt động đầu tư

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Khoản đầu tư chờ thanh toán (*)	5.055.434.000	25.000.000.000
Phí môi giới phải trả	137.348.933	295.874.551
	<u>5.192.782.933</u>	<u>25.295.874.551</u>

(*) Khoản đầu tư chờ thanh toán năm 2012 thể hiện số tiền phải trả cho việc mua các khoản đầu tư được thanh toán sau 3 (ba) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch (T+3) theo thông lệ kinh doanh chứng khoán hiện hành tại Việt Nam.

Khoản đầu tư chờ thanh toán năm 2011 thể hiện khoản tiền cọc ký quỹ nhận được từ bên thứ ba cho giao dịch thỏa thuận bán chứng khoán.

3.7 Phải trả Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Phí quản lý Quỹ	2.537.824.078	2.167.653.864
Phí lưu ký, giám sát Quỹ	104.050.787	88.873.809
	<u>2.641.874.865</u>	<u>2.256.527.673</u>

3.8 Phải trả khác

Số dư này thể hiện số phí kiểm toán và các khoản phải trả khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 04 - QĐT

cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

3. THÔNG TIN BỔ SUNG (tiếp theo)

3.9 Vốn góp của nhà đầu tư

3.9.1 Vốn góp

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Vốn góp đầu năm	1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
Vốn tăng trong năm	-	-
Vốn giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	<u>1.000.000.000.000</u>	<u>1.000.000.000.000</u>

Mỗi đơn vị Quỹ có mệnh giá là 10.000 đồng/đơn vị quỹ. Tất cả đơn vị quỹ đều có cùng các quyền, bao gồm các quyền về quyền biểu quyết, quyền hưởng cổ tức, quyền được hoàn vốn, và các quyền khác ngang nhau. Mỗi đơn vị quỹ đã phát hành và góp vốn đủ tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp thường niên của Quỹ và có quyền hưởng cổ tức mà Quỹ công bố vào từng thời điểm.

3.9.2 Thặng dư vốn

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Thặng dư vốn đầu năm	1.224.170.820.910	1.224.170.820.910
Thặng dư vốn tăng trong năm	-	-
Thặng dư vốn giảm trong năm	-	-
Thặng dư vốn cuối năm	<u>1.224.170.820.910</u>	<u>1.224.170.820.910</u>

3.10 Kết quả hoạt động chưa phân phối

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Số dư đầu năm	(925.835.030.331)	(97.903.031.187)
Lãi/(Lỗ) trong năm	221.716.781.221	(827.931.999.144)
Số dư cuối năm	<u>(704.118.249.110)</u>	<u>(925.835.030.331)</u>

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 04 - QĐT

cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

3. THÔNG TIN BỔ SUNG (tiếp theo)

3.11 Phí và chi phí khác

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Phí thiết kế, in ấn, gửi thư	85.706.320	204.599.258
Phí họp Ban Đại diện Quỹ	222.097.742	155.199.335
Phí môi giới bán chứng khoán	752.449.219	1.762.598.311
Phụ cấp cho Ban Đại diện Quỹ (Thuyết minh 3.12(iii))	598.000.000	598.000.004
Chi phí quản lý niêm yết và lưu ký chứng khoán trả cho Trung tâm lưu ký	314.738.002	322.597.755
Chi phí khác	159.005.651	115.000.661
	<u>2.131.996.934</u>	<u>3.157.995.324</u>

3.12 Nghiệp vụ với các bên liên quan

i) Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Việt Nam, công ty Quản lý của Quỹ.

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Phí quản lý Quỹ	<u>30.106.552.493</u>	<u>33.529.972.546</u>

Theo Điều lệ Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ được hưởng phí quản lý Quỹ hàng năm và phí thưởng hoạt động. Phí quản lý Quỹ được tính hàng tháng và bằng một phần mười hai của hai phần trăm (2%) giá trị tài sản ròng của Quỹ vào ngày cuối cùng của tháng. Mức thưởng hoạt động được tính vào cuối năm và bằng 20% phần vượt trội của tỷ lệ tăng trưởng giá trị tài sản ròng của Quỹ trong năm so với tỷ lệ tăng trưởng của thị trường được điều chỉnh theo cơ cấu danh mục đầu tư bình quân trong năm. Mức thưởng hoạt động sẽ được điều chỉnh giảm trừ và sẽ không được thanh toán nếu hoạt động đầu tư của những năm trước năm báo cáo bị lỗ và mức lỗ này chưa được bù đắp. Trong năm không phát sinh phí thưởng hoạt động (2011: 0).

ii) Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam ("Vietcombank"), ngân hàng giám sát

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Phí lưu ký, giám sát Quỹ	<u>1.234.368.654</u>	<u>1.374.728.878</u>

Quỹ đã chỉ định Vietcombank làm ngân hàng giám sát. Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho ngân hàng giám sát một khoản phí giám sát quỹ và quản phí lưu ký hàng tháng lần lượt bằng một phần mười hai của không phẩy không hai phần trăm (0,02%) và không phẩy không sáu phần trăm (0,06%) giá trị tài sản ròng của Quỹ vào ngày cuối cùng của tháng. Phí giám sát thuộc đối tượng chịu thuế GTGT với mức thuế suất 10%.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 04 - QĐT

cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

3. THÔNG TIN BỔ SUNG (tiếp theo)

3.12 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

iii) Phụ cấp cho Ban Đại diện Quỹ

	2012 VNĐ	2011 VNĐ
Phụ cấp cho Ban Đại diện Quỹ	598.000.000	598.000.004

Ngoài tiền phụ cấp, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong trường hợp thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích quan trọng trong hợp đồng. Phụ cấp cho Ban đại diện Quỹ được ghi nhận là chi phí của Quỹ trong báo cáo kết quả hoạt động.

4. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT

I Các chỉ số về tình hình hoạt động đầu tư

	2012 %	2011 %
1. Tỷ lệ các loại chứng khoán/Tổng tài sản	78,82	81,15
2. Tỷ lệ các loại cổ phiếu/Tổng tài sản	76,94	79,26
3. Tỷ lệ các loại cổ phiếu niêm yết/Tổng tài sản	71,81	68,90
4. Tỷ lệ các loại cổ phiếu không niêm yết/Tổng tài sản	5,13	10,36
5. Tỷ lệ các loại trái phiếu/Tổng tài sản	1,88	1,89
6. Tỷ lệ các loại đầu tư khác/Tổng tài sản	11,77	0,00
7. Tỷ lệ tiền mặt/Tổng tài sản	8,92	13,85
8. Tỷ lệ bất động sản/Tổng tài sản	-	-
9. Tỷ lệ thu nhập bình quân/Tổng tài sản	16,74	(59,43)
10. Tỷ lệ chi phí bình quân/Tổng tài sản	2,24	2,95

II Các chỉ số thị trường

	2012	2011
1. Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành (ccq)	100.000.000	100.000.000
2. Tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của các nhân viên công ty Quản lý Quỹ cuối năm	0,068%	0,088%
3. Tỷ lệ giao dịch cổ phiếu quỹ so với tổng số chứng chỉ quỹ trong năm	32,36%	27,68%
4. Giá trị đơn vị quỹ (VNĐ)	15.201	12.983

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 04 - QĐT

cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

5. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quý có nguy cơ gặp các rủi ro từ các công cụ tài chính như sau:

Rủi ro tín dụng
Rủi ro thanh khoản
Rủi ro thị trường

Danh mục đầu tư của Quý bao gồm chứng khoán niêm yết, chứng khoán chưa niêm yết, trái phiếu chuyển đổi, và tiền gửi ngân hàng. Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ được có toàn quyền trong việc quản lý tài sản của Quý theo đúng mục tiêu đầu tư của Quý. Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát giám sát việc tuân thủ phân bổ các tài sản và cơ cấu danh mục đầu tư theo cơ sở hàng tuần. Trong trường hợp danh mục đầu tư khác với mục tiêu phân bổ tài sản, Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ cân bằng lại danh mục đầu tư theo đúng mục tiêu đã định.

(a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Quý phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký kết với Quý. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư.

Tất cả các khoản tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn được gửi tại các tổ chức tín dụng mà Quý cho là sẽ không có bất kỳ khoản tổn thất nào phát sinh từ việc vi phạm của các tổ chức tín dụng này.

Chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết của Quý chỉ được giao dịch tại hoặc phải tuân theo các luật định của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội hoặc với các bên đối tác có chỉ số tín dụng được qui định. Tất cả các hoạt động giao dịch đối với chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được thanh toán hoặc chi trả vào lúc giao chứng khoán thông qua các nhà môi giới đã được chấp thuận. Rủi ro không trả nợ được xem là rất nhỏ do việc chuyển giao chứng khoán chỉ được thực hiện khi nhà môi giới nhận được tiền thanh toán. Việc thanh toán mua chỉ được thực hiện khi nhà môi giới đã nhận được chứng khoán. Nếu một trong các bên không thể thực hiện nghĩa vụ của mình, giao dịch mua bán được xem như không thành công.

Các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư bao gồm các khoản phải thu từ kinh doanh chứng khoán, phải thu lãi từ tiền gửi ngân hàng và phải thu từ cổ tức. Các khoản phải thu từ kinh doanh chứng khoán phản ánh các giao dịch bán đang chờ thanh toán. Rủi ro tín dụng liên quan đến các giao dịch chưa thanh toán được xem là rất nhỏ do thời hạn thanh toán ngắn. Công ty Quản lý Quỹ tin rằng không cần thiết phải lập dự phòng cho các khoản nợ phải thu khó đòi tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa mà Quý có thể gặp phải bằng với giá trị ghi sổ của tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu từ hoạt động đầu tư.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 04 - QĐT

cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

5. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Quý sẽ gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ phải trả tài chính mà các khoản nợ này sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Quý là đảm bảo Quý luôn có đủ một lượng tiền mặt nhằm để đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn.

Tài sản tài chính của Quý bao gồm chứng khoán niêm yết và chứng khoán chưa niêm yết. Chứng khoán chưa niêm yết thường không có tính thanh khoản. Các khoản đầu tư của Quý vào chứng khoán niêm yết được xem là có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt vì được giao dịch trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Do đó, Quý có thể dễ dàng chuyển đổi các khoản đầu tư của Quý thành tiền mặt kịp thời nhằm đáp ứng các nhu cầu thanh khoản của Quý.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và 2011 thời gian đáo hạn còn lại dựa theo hợp đồng của các khoản nợ phải trả tài chính như sau:

	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1 đến 2 năm VNĐ	Từ 2 đến 5 năm VNĐ
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012			
Phải trả hoạt động đầu tư	5.192.782.933	-	-
Phải trả phụ cấp Ban Đại diện Quý	92.000.000	-	-
Phải trả cho Công ty Quản lý Quý và Ngân hàng Giám sát	2.641.874.865	-	-
Phải trả khác	974.106.589	-	-
	<u>8.900.764.387</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011			
Phải trả hoạt động đầu tư	25.295.874.551	-	-
Phải trả phụ cấp Ban Đại diện Quý	92.000.000	-	-
Phải trả cho Công ty Quản lý Quý và Ngân hàng Giám sát	2.256.527.673	-	-
Phải trả khác	1.293.467.202	-	-
	<u>28.937.869.426</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

Tại ngày lập báo cáo tài chính, Quý không có các khoản nợ liên quan đến công cụ tài chính phái sinh.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 04 - QĐT

cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

5. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà lợi nhuận của Quý hoặc giá trị của các công cụ tài chính do Quý nắm giữ sẽ bị ảnh hưởng do những thay đổi của giá trị thị trường như thay đổi về lãi suất, tỷ giá hối đoái và giá thị trường.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Quý sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quý là rất nhỏ vì hầu hết các khoản tiền gửi đều hưởng lãi suất cố định và có thời hạn thu hồi trong vòng một năm.

Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính của Quý bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Quý không bị ảnh hưởng bởi rủi ro tiền tệ do các tài sản và các khoản nợ của Quý là có gốc tiền tệ là tiền Đồng cũng là đơn vị tiền tệ kế toán của Quý.

Rủi ro giá thị trường

Rủi ro giá thị trường là rủi ro mà giá trị của công cụ tài chính bị sụt giảm do sự thay đổi của chỉ số chứng khoán và giá trị của từng loại chứng khoán.

Quý đầu tư vào chứng khoán niêm yết, chứng khoán chưa niêm yết, trái phiếu chuyển đổi mà các chứng khoán này sẽ bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro giá thị trường bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, nếu giá các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết tăng/giảm 10% (2011: 10%) trong khi tất cả các biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, thì giá trị tài sản ròng của Quý sẽ cao hơn/thấp hơn 117.642.206.147 đồng (2011: 105.201.992.774 đồng) tương ứng.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 04 - QĐT

cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

5. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(d) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính của Quý:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ	31.12.2012 VNĐ	31.12.2011 VNĐ
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ để kinh doanh	1.205.172.061.474	1.077.061.023.628	1.205.172.061.474	1.077.061.023.628
- Trái phiếu	28.750.000.000	25.041.095.890	28.750.000.000	25.041.095.890
- Cổ phiếu niêm yết	1.097.931.925.700	914.455.849.400	1.097.931.925.700	914.455.849.400
- Cổ phiếu chưa niêm yết	78.490.135.774	137.564.078.338	78.490.135.774	137.564.078.338
Các khoản đầu tư khác	180.000.000.000	-	180.000.000.000	-
Các khoản phải thu	7.392.867.219	66.426.333.621	7.392.867.219	66.426.333.621
- Phải thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán	1.144.964.400	59.395.227.800	1.144.964.400	59.395.227.800
- Phải thu khác	6.247.902.819	7.031.105.821	6.247.902.819	7.031.105.821
Tiền	136.388.407.494	183.786.302.756	136.388.407.494	183.786.302.756
Tổng cộng	1.528.953.336.187	1.327.273.660.005	1.528.953.336.187	1.327.273.660.005
Nợ tài chính phải trả				
Phải trả hoạt động đầu tư chứng khoán	5.192.782.933	25.295.874.551	5.192.782.933	25.295.874.551
Phải trả cho các bên có liên quan	2.733.874.865	2.348.527.673	2.733.874.865	2.348.527.673
Phải trả khác	974.106.589	1.293.467.202	974.106.589	1.293.467.202
Tổng cộng	8.900.764.387	28.937.869.426	8.900.764.387	28.937.869.426

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản đó có thể được trao đổi, hoặc một khoản phải trả được thanh toán giữa các bên độc lập, am hiểu và tự nguyện, đảm bảo nguyên tắc lợi ích thông thường của giao dịch tại ngày đánh giá lại.

Quý sử dụng các phương pháp và giả định sau trong việc ước tính giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của các chứng khoán niêm yết được tính dựa trên giá thị trường của chứng khoán đó tại ngày lập bảng báo cáo tài chính được tham khảo từ Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- Giá trị hợp lý của chứng khoán chưa niêm yết là giá bình quân trên cơ sở giá giao dịch tại ngày lập báo cáo tài chính được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ hoặc Ngân hàng Giám sát.
- Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng giá trị thực tế tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 do các công cụ tài chính này có kỳ hạn ngắn.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 04 - QĐT

cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

6. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các báo cáo tài chính cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được Ban Đại diện Quý phê duyệt để phát hành vào ngày 25 tháng 2 năm 2013.



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương
Việt Nam, Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Hà Thị Thúy Vinh
Kế toán Trưởng



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Việt Nam
Nguyễn Minh Đăng Khánh
Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài Chính



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương
Việt Nam, Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Trịnh Hồng Hạnh
Phó Giám đốc



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu Tư Việt Nam
Trần Thanh Tân
Tổng Giám Đốc



KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Vietfund Management (VFM). Tất cả những số liệu liên quan đến Báo cáo Tài chính của Quý được công ty VFM công bố trong báo cáo này đã được kiểm toán theo luật định. Đối với những nội dung khác trong báo cáo được công ty VFM phát hành dựa trên những nguồn thông tin đáng tin cậy và/ hoặc đã được công bố ra công chúng. Những quan điểm, dự báo và các ước tính trong báo cáo chỉ thể hiện quan điểm của những người viết tại thời điểm phát hành, không hàm ý bảo đảm những dự đoán, khả năng sinh lời và mức độ rủi ro có thể xảy ra, mà chỉ mang tính chất tham khảo. Chúng tôi không đảm bảo và không chịu trách nhiệm về mọi thua lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp xảy ra cho mọi cá nhân hoặc nhóm người nào sử dụng những thông tin nêu trên trong tài liệu này vào mục đích đầu tư.



V I E T F U N D
M A N A G E M E N T

Trụ sở chính Công ty VFM

Phòng 1701-04, Tầng 17
Tòa nhà Melinh Point
Số 2, Ngõ Đức Kế, Quận 1, Tp. HCM
Điện thoại: +84 8 3825 1488
Hotline: +84 8 3825 1480
Fax: +84 8 3825 1489
Website: www.vinafund.com

Chi nhánh Hà Nội

Phòng 903, tầng 9, tòa nhà HCO
44B Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: +84 4 3942 8168
Fax: +84 4 3942 8169